

PHỤ LỤC 1
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
GAIAI ĐOẠN 2021-2025 DO TỈNH QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỐ (ĐỢT 13)
(Kèm theo Nghị Quyết số 10/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng.

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)		
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:	
			Giao chi tiết	Dự phòng chung		Giao chi tiết	Dự phòng chung
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	31.468.726	30.897.235	571.491	31.505.436	31.284.436	221.000
I	Vốn ngân sách địa phương	21.401.614	21.050.123	351.491	21.437.324	21.437.324	0
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	5.338.741	5.338.741	0	5.338.741	5.338.741	0
-	Cấp Tỉnh quản lý và phân bổ	2.636.249	2.636.249		2.636.249	2.636.249	
-	Cấp Huyện quản lý và phân bổ	2.702.492	2.702.492		2.702.492	2.702.492	
2	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	8.650.000	8.627.116	22.884	8.650.000	8.650.000	0
3	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	5.777.642	5.449.035	328.607	5.590.374	5.590.374	0
-	Cấp Tỉnh quản lý và phân bổ	1.391.142	1.062.535	328.607	1.203.874	1.203.874	
-	Cấp Huyện quản lý và phân bổ	4.386.500	4.386.500		4.386.500	4.386.500	
4	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, thu cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp địa phương	1.635.231	1.635.231	0	1.858.209	1.858.209	0
-	Số dư dự toán năm 2020	70.000	70.000		70.000	70.000	
-	Tăng thu xổ số kiến thiết năm 2020, 2022, 2023, 2024	1.009.400	1.009.400		1.232.378	1.232.378	
-	Nguồn thu cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp địa phương	446.831	446.831		446.831	446.831	
-	Chi đầu tư phát triển khác	109.000	109.000		109.000	109.000	
II	Vốn ngân sách Trung ương	10.067.112	9.847.112	220.000	10.068.112	9.847.112	221.000
1	Vốn trong nước	7.739.612	7.519.612	220.000	7.739.612	7.519.612	220.000
-	Trung ương hỗ trợ có mục tiêu	7.216.955	6.996.955	220.000	7.216.955	6.996.955	220.000
-	Chương trình mục tiêu quốc gia	522.657	522.657		522.657	522.657	

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)		
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:	
			Giao chi tiết	Dự phòng chung		Giao chi tiết	Dự phòng chung
1	2	3	4	5	6	7	8
2	Vốn nước ngoài (ODA)	807.000	807.000		807.000	807.000	
3	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển Kinh tế - Xã hội	1.184.500	1.184.500		1.184.500	1.184.500	
4	Vốn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2022, 2023, 2024	336.000	336.000		337.000	336.000	1.000

PHỤ LỤC 2
CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 DO TỈNH QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỐ (ĐỢT 13)
(Kèm theo Nghị Quyết số 10/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025										Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)										Ghi chú (Vốn bố trí lại do dự toán thu chưa đạt)
						Trong đó:								Trong đó:												
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT- XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)	Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT- XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25		
	TỔNG SỐ					31.468.726	5.338.741	8.650.000	5.777.642	1.635.231	7.739.612	1.184.500	336.000	807.000	31.505.436	5.338.741	8.650.000	5.590.374	1.858.209	7.739.612	1.184.500	337.000	807.000	228.330		
A	CẤP TỈNH QUẢN LÝ					24.379.734	2.636.249	8.650.000	1.391.142	1.635.231	7.739.612	1.184.500	336.000	807.000	24.416.444	2.636.249	8.650.000	1.203.874	1.858.209	7.739.612	1.184.500	337.000	807.000	228.330		
I	Chuẩn bị đầu tư					100.000	24.911	75.089	0	0	0	0	0	0	173.342	24.911	112.721	0	35.710	0	0	0	0	0		
II	Thực hiện đầu tư					22.800.653	2.501.168	8.261.399	737.558	1.500.571	7.472.457	1.184.500	336.000	807.000	23.094.003	2.501.168	8.226.142	878.897	1.687.839	7.472.457	1.184.500	336.000	807.000	228.330		
1	Quốc phòng					514.090	420.197	0	17.893	0	76.000	0	0	0	614.367	420.197	0	118.170	0	76.000	0	0	0	0		
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội					225.789	225.789	0	0	0	0	0	0	0	225.789	225.789	0	0	0	0	0	0	0	0		
3	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					3.966.613	0	3.907.448	0	59.165	0	0	0	0	3.960.219	0	3.901.054	0	59.165	0	0	0	0	0		
4	Khoa học, công nghệ					72.964	72.964	0	0	0	0	0	0	0	72.964	72.964	0	0	0	0	0	0	0	0		
5	Y tế, dân số và gia đình					915.469	0	455.415	0	159.354	151.200	149.500	0	0	915.469	0	455.415	0	159.354	151.200	149.500	0	0	0		
6	Văn hóa, thông tin					415.016	54.200	333.416	0	0	27.400	0	0	0	400.706	54.200	319.106	0	0	27.400	0	0	0	0		
a	Văn hóa					415.016	54.200	333.416	0	0	27.400	0	0	0	400.706	54.200	319.106	0	0	27.400	0	0	0	0		
7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn					33.500	33.500	0	0	0	0	0	0	0	33.500	33.500	0	0	0	0	0	0	0	0		
8	Thể dục, thể thao					128.906	37.700	91.206	0	0	0	0	0	0	128.906	37.700	91.206	0	0	0	0	0	0	0		
9	Bảo vệ môi trường					908.955	55.900	40.417	0	77.638	400.000	0	0	335.000	908.955	55.900	40.417	0	77.638	400.000	0	0	335.000	0		
a	Môi trường					908.955	55.900	40.417	0	77.638	400.000	0	0	335.000	908.955	55.900	40.417	0	77.638	400.000	0	0	335.000	0		
10	Các hoạt động kinh tế					15.338.128	1.366.395	3.409.054	719.665	1.196.414	6.803.600	1.035.000	336.000	472.000	15.522.905	1.366.395	3.365.501	760.727	1.383.682	6.803.600	1.035.000	336.000	472.000	228.330		
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					3.611.813	154.703	318.996	0	46.714	1.993.400	290.000	336.000	472.000	3.611.813	154.703	318.996	0	46.714	1.993.400	290.000	336.000	472.000	0		
b	Giao thông					7.077.026	187.400	1.863.393	0	146.233	4.135.000	745.000	0	0	7.061.926	187.400	1.848.293	0	146.233	4.135.000	745.000	0	0	0		
c	Khu công nghiệp và khu kinh tế					928.700	60.000	70.000	213.500	0	585.200	0	0	0	903.754	60.000	25.000	233.554	0	585.200	0	0	0	20.054		
d	Thương mại					0	0	0	0	0	0	0	0	0	25.000	0	25.000	0	0	0	0	0	0	0		
d	Du lịch					7.178	4.500	0	0	2.678	0	0	0	0	7.178	4.500	0	0	2.678	0	0	0	0	0		
d	Công nghệ thông tin					261.633	125.333	86.300	0	0	50.000	0	0	0	278.180	125.333	102.847	0	0	50.000	0	0	0	0		
e	Quy hoạch					51.067	51.067	0	0	0	0	0	0	0	51.067	51.067	0	0	0	0	0	0	0	0		
g	Công trình công cộng tại các đô thị					3.343.711	766.392	1.070.365	506.165	1.000.789	0	0	0	0	3.551.987	766.392	1.070.365	527.173	1.188.057	0	0	0	0	208.276		
h	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa					57.000	17.000	0	0	0	40.000	0	0	0	57.000	17.000	0	0	0	40.000	0	0	0	0		
11	Hoạt động của các cơ quan QLNN, đơn vị SN công lập, tổ chức chính trị và tổ chức CT - XH					225.893	225.893	0	0	0	0	0	0	0	225.893	225.893	0	0	0	0	0	0	0	0		
12	Xã hội					55.330	8.630	24.443	0	8.000	14.257	0	0	0	84.330	8.630	53.443	0	8.000	14.257	0	0	0	0		
III	Các nhiệm vụ đầu tư công khác					907.590	110.170	290.628	324.977	134.660	47.155	0	0	0	928.099	110.170	311.137	324.977	134.660	47.155	0	0	0	0		
1	Thu hồi vốn ứng trước					114.276	67.121	0	0	0	47.155	0	0	0	114.276	67.121	0	0	0	47.155	0	0	0	0		
2	Trả nợ vay của chính quyền địa					66.695	0	53.677	0	13.018	0	0	0	0	66.695	0	53.677	0	13.018	0	0	0	0	0		
3	Tất toán công trình hoàn thành					192.642	43.049	136.951	0	12.642	0	0	0	0	213.151	43.049	157.460	0	12.642	0	0	0	0	0		
4	Ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng					199.000	0	100.000	0	99.000	0	0	0	0	199.000	0	100.000	0	99.000	0	0	0	0	0		
5	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ					10.000	0	0	0	10.000	0	0	0	0	10.000	0	0	0	10.000	0	0	0	0	0		
6	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ phát triển					122.583	0	0	122.583	0	0	0	0	0	122.583	0	0	122.583	0	0	0	0	0	0		
7	Chi cho công tác đo đạc lập bản đồ địa chính theo Nghị quyết số 41/2023/NQ-HĐND ngày 18/7/2023 của HĐND Tỉnh					194.000	0	0	194.000	0	0	0	0	0	194.000	0	0	194.000	0	0	0	0	0	0		
8	Cấp lại Trung tâm Phát triển Quỹ đất					8.394	0	0	8.394	0	0	0	0	0	8.394	0	0	8.394	0	0	0	0	0	0		
IV	Dự phòng chung					571.491	0	22.884	328.607	0	220.000	0	0	0	221.000	0	0	0	0	220.000	0	1.000	0	0		
B	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ					7.088.992	2.702.492		4.386.500						7.088.992	2.702.492		4.386.500								
	Cụ thể như sau:																									
A	CẤP TỈNH QUẢN LÝ					24.379.734	2.636.249	8.650.000	1.391.142	1.635.231	7.739.612	1.184.500	336.000	807.000	24.416.444	2.636.249	8.650.000	1.203.874	1.858.209	7.739.612	1.184.500	337.000	807.000	228.330		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)								Ghi chú (Vốn bổ tri lại do dự toán thu chưa đạt)	
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:							Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:								
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024		Vốn ngoài nước (ODA)	Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH		Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024
I	Chuẩn bị đầu tư					100.000	24.911	75.089	0	0	0	0	0	173.342	24.911	112.721	0	35.710	0	0	0	0	0
1	Quốc phòng					2.400	2.400	0	0	0	0	0	0	2.400	2.400	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Xây dựng mới Trung đoàn Bộ binh 320	Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh		537/QĐ-BCH ngày 28/7/2023 của Bộ CHQS Tỉnh	2.424	2.400	2.400							2.400	2.400								
2	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					6.370	0	6.370	0	0	0	0	0	6.370	0	6.370	0	0	0	0	0	0	0
1	Chương trình Đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025	Sở GD&ĐT			5.700	5.700		5.700						5.700		5.700							
2	Trường Cao đẳng cộng đồng Đồng Tháp (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN		08/QĐ-SXD ngày 22/6/2020 của Sở Xây dựng; 1747/QĐ-UBND ngày 28/10/2020 của UBND TPCL	670	670		670						670		670							
3	Khoa học, công nghệ					420	420	0	0	0	0	0	0	420	420	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Xưởng sản xuất thực nghiệm và phòng kiểm định hiệu chuẩn	Sở Khoa học và Công nghệ		43/QĐ-SKHCN ngày 11/3/2021 của Sở KH&CN	210	210	210							210	210								
2	Mua sắm thiết bị kiểm định, kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước giai đoạn năm 2021-2025	Sở Khoa học và Công nghệ		44/QĐ-SKHCN ngày 11/3/2021 của Sở KKH&CN	210	210	210							210	210								
4	Y tế, dân số và gia đình					1.700	0	1.700	0	0	0	0	0	1.700	0	1.700	0	0	0	0	0	0	0
1	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị Bệnh viện đa khoa khu vực Hồng Ngự	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN		Số 194/QĐ-QLDA ngày 07/9/2021 của Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN	700	700		700						700		700							
2	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Phổi	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN		Số 196/QĐ-QLDA ngày 07/9/2021 của Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN	1.000	1.000		1.000						1.000		1.000							
5	Văn hóa, thông tin					3.000	600	2.400	0	0	0	0	0	3.000	600	2.400	0	0	0	0	0	0	0
a	Văn hóa					3.000	600	2.400	0	0	0	0	0	3.000	600	2.400	0	0	0	0	0	0	0
1	Tu bổ, chống xuống cấp một số di tích trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở VH TT&DL		334A/QĐ-SVHTTDL ngày 23/8/2021 của Sở VH-TT&DL	287	280		280						280		280							
2	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc	Sở VH TT&DL		371A/QĐ-SVHTTDL ngày 30/9/2021 của Sở VH-TT&DL	127	120		120						120		120							
3	Nâng cấp Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc thành Khu di tích Quốc gia đặc biệt (nay là Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc)	Sở VH TT&DL		359/QĐ-SVHTTDL.KHTC ngày 28/7/2023 của Sở VH TT&DL	1.372	1.000		1.000						1.000		1.000							
4	Xây dựng công trình phục vụ Thiết chế văn hóa cho thanh thiếu nhi tỉnh Đồng Tháp	Ban Thường vụ Tỉnh đoàn		38-QĐ/TĐTN-TTHĐTTN ngày 17/11/2022 của BTV Tỉnh đoàn	637	600		600						600	600								
5	Bảo tàng Đồng Tháp Mười tại Khu di tích Gò Tháp	Sở VH TT&DL		357/QĐ-SVHTTDL.KHTC ngày 28/7/2023 của Sở VH TT&DL	1.471	1.000		1.000						1.000		1.000							
6	Thể dục, thể thao					600	600	0	0	0	0	0	0	600	600	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025										Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)										Ghi chú (Vốn bổ tri lại do dự toán thu chưa đạt)
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:								Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:										
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)			
1	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất Khu liên hợp thể dục thể thao	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN		26/QĐ-XSD ngày 30/12/2020 của Sở Xây dựng	600	600	600								600	600										
7	Bảo vệ môi trường					5.000	0	5.000	0	0	0	0	0	0	5.000	0	5.000	0	0	0	0	0	0	0		
a	Môi trường					5.000	0	5.000	0	0	0	0	0	0	5.000	0	5.000	0	0	0	0	0	0	0		
1	Nâng cấp tuyến đê bao, kè chống sạt lở, xây dựng hệ thống công dọc sông Tiền, Thành phố Cao Lãnh (giai đoạn 2)	UBND thành phố Cao Lãnh		205/QĐ-QLDA ngày 05/11/2021 của Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT; 615/QĐ-QLDA&PTQĐ ngày 22/8/2023 của BQLDA&PTQĐ TPCL	5.133	5.000		5.000							5.000		5.000									
8	Các hoạt động kinh tế					41.961	20.641	21.320	0	0	0	0	0	0	41.961	20.641	21.320	0	0	0	0	0	0	0		
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					8.445	2.845	5.600	0	0	0	0	0	0	8.445	2.845	5.600	0	0	0	0	0	0	0		
1	Kè Hồ Cừ, xã Hoà An, thành phố Cao Lãnh (nối dài về phía hạ lưu)	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT		127/QĐ-QLDA ngày 10/8/2021 của Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT	2.600	2.600		2.600							2.600		2.600									
2	Xử lý sạt lở cấp bách bờ sông Tiền khu vực xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT		183/QĐ-QLDA ngày 10/8/2021 của Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT	2.000	2.000		2.000							2.000		2.000									
3	Bổ trí dân cư tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025	Sở Xây dựng		427/QĐ-SXD ngày 11/11/2022 của Sở Xây dựng	1.260	1.260	1.260								1.260	1.260										
4	Hạ tầng quản lý bảo vệ rừng và phát triển hệ sinh thái bền vững Vườn quốc gia Tràm Chim giai đoạn 2021-2025	Vườn quốc gia Tràm Chim		139a/QĐ-VQG ngày 16/7/2021 của VQG Tràm Chim	1.585	1.585	1.585								1.585	1.585										
5	Đảm bảo nước sạch vùng nông thôn trong điều kiện biến đổi khí hậu tỉnh Đồng Tháp	Sở Nông nghiệp và Môi trường		293/QĐ-SNN ngày 05/7/2023 của Sở NN&PTNT	1.000	1.000		1.000							1.000		1.000									
b	Giao thông					25.758	13.058	12.700	0	0	0	0	0	0	25.758	13.058	12.700	0	0	0	0	0	0	0		
1	Nâng cấp hệ cầu trên đường ĐT.844 (đoạn Tràm Chim - Trường Xuân)	Sở Xây dựng		28/QĐ-BQLDA.KHTH ngày 23/02/2021 của BQLDA ĐTXD CT Giao thông	4.217	4.210		4.210							4.210		4.210									
2	Đường ĐT.845 đoạn Trường Xuân - Tân Phước	Sở Xây dựng		47/QĐ-SGTVT.CLCTGT ngày 24/02/2021 của Sở GTVT	3.710	3.710	3.710								3.710	3.710										
3	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.842	Sở Xây dựng		32/QĐ-SGTVT.CLCTGT ngày 01/02/2021 của Sở GTVT	3.650	3.650	3.650								3.650	3.650										
4	Hạ tầng giao thông đường bộ khu vực Nam sông Tiền, tỉnh Đồng Tháp	Sở Xây dựng		325/QĐ-SGTVT.CLCTGT ngày 23/9/2021 của Sở GTVT	3.898	3.898	3.898								3.898	3.898										
5	Xây dựng Bến phà An Phong - Tân Bình và tuyến đường kết nối	Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông		169/QĐ-BQLDA-KHTH ngày 19/8/2022 của Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông	1.892	1.800	1.800								1.800	1.800										

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)										Ghi chú (Vốn bổ trợ lại do dự toán thu chưa đạt)
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:							Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:									
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024		Vốn ngoài nước (ODA)	Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)	
6	Xây dựng tuyến ĐT.857 (đoạn QL30 - ĐT.845)	Sở Xây dựng		357/QĐ-SGTVT.CLCTGT ngày 16/11/2020; 41/QĐ-SGTVT.CLCTGT ngày 18/02/2021 của Sở GTVT	8.744	8.490		8.490						8.490		8.490								
c	Khu công nghiệp và khu kinh tế					6.020	3.000	3.020	0	0	0	0	0	6.020	3.000	3.020	0	0	0	0	0	0	0	
1	Khu công nghiệp Ba Sao	Ban quản lý Khu kinh tế ĐT		70/QĐ-KKT ngày 26/6/2020 của Ban QL KKT; 20/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 của UBND HCL	3.290	2.800		2.800						2.800		2.800								
2	Hạ tầng kỹ thuật Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp (giai đoạn 3)	Ban quản lý Khu kinh tế ĐT		57/QĐ-KKT ngày 06/8/2021 của BQL KKT ĐT	1.069	1.000	1.000							1.000	1.000									
3	Đầu tư xây dựng hạ tầng cửa khẩu quốc tế Thường Phước và cửa khẩu Mộc Rá thuộc Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp	Ban quản lý Khu kinh tế ĐT		163/QĐ-KKT ngày 30/11/2022; 111/QĐ-KKT ngày 23/10/2023 của BQL KKT ĐT	2.309	2.000	2.000							2.000	2.000									
4	Cụm công nghiệp Quảng Khánh (giai đoạn 2)	Ban quản lý Khu kinh tế ĐT		41/QĐ-TT ngày 18/8/2022 của BQL KKT ĐT	220	220		220						220		220								
d	Công nghệ thông tin					478	478	0	0	0	0	0	0	478	478	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Xây dựng Hệ thống quản lý quy hoạch hạ tầng đô thị	Sở Xây dựng		35/QĐ-SXD ngày 18/01/2022 của Sở Xây dựng	319	278	278							278	278									
2	Hệ thống nền tảng nông nghiệp số	Sở Nông nghiệp và Môi trường		267/QĐ-SNN ngày 20/6/2023 của Sở NN&PTNT	525	200	200							200	200									
d	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa					500	500	0	0	0	0	0	0	500	500	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Xây dựng Không gian Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo tỉnh Đồng Tháp	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN		367/QĐ-QLDA ngày 25/12/2023 của BQLDA ĐTXD CT DD&CN	551	500	500							500	500									
e	Hoạt động của các cơ quan QLNN, đơn vị SN công lập, tổ chức chính trị và tổ chức CT - XH					760	760	0	0	0	0	0	0	760	760	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Cải tạo trụ sở làm việc Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ		02/QĐ-SXD ngày 12/01/2021 của Sở Xây dựng	530	530	530							530	530									
2	Trụ sở làm việc Ban quản lý Khu di tích Xẻo Quýt	Sở VH TT&DL		1262/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2019 của UBND Tỉnh	230	230	230							230	230									
9	Xã hội					250	250	0	0	0	0	0	0	250	250	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	San lấp mặt bằng và xây dựng mới hàng rào Cơ sở điều trị nghiện Tỉnh	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN		23/QĐ-QLDA ngày 19/02/2021 của Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN	250	250	250							250	250									
10	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác					38.299	0	38.299						111.641	0	75.931		35.710						
II	Thực hiện Đầu tư					22.800.653	2.501.168	8.261.399	737.558	1.500.571	7.472.457	1.184.500	336.000	807.000	23.094.003	2.501.168	8.226.142	878.897	1.687.839	7.472.457	1.184.500	336.000	807.000	228.330
1	Quốc phòng					514.090	420.197	0	17.893	0	76.000	0	0	614.367	420.197	0	118.170	0	76.000	0	0	0	0	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)								Ghi chú (Vốn bổ tri lại do dự toán thu chưa đạt)		
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:							Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:									
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024		Vốn ngoài nước (ODA)	Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH		Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)
*	Chuyển tiếp từ GD 2016-2020 sang GD 2021-2025				12.000	12.000	0	0	0	0	0	0	12.000	12.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục doanh trại Trung đoàn bộ binh 320 và Tiểu đoàn bộ binh 1	Bộ chỉ huy Quân sự Tỉnh	2020-2021	1253/QĐ-UBND.HC ngày 29/10/2019 của UBND Tỉnh	26.673	12.000	12.000						12.000	12.000										
*	Khởi công mới trong GD 2021-2025				274.490	198.490	0	0	0	76.000	0	0	274.490	198.490	0	0	0	76.000	0	0	0			
1	Đầu tư xây dựng công trình Khu Kinh tế Quốc phòng Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp/QK9 (giai đoạn 2)	Đoàn KT-QP 959/QK9	2021-2024	1659/QĐ-BQP ngày 04/6/2021 của Bộ Quốc phòng	153.990	61.200	61.200						61.200	61.200										
2	Kê chống sạt lở và trồng cây bảo vệ đường tuần tra biên giới (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT	2021-2024	1489/QĐ-UBND-HC ngày 29/09/2021 của UBND Tỉnh	84.996	76.000				76.000			76.000				76.000							
3	Cải tạo, nâng cấp doanh trại Ban Chỉ huy Quân sự huyện, thành phố	Bộ chỉ huy Quân sự Tỉnh	2021-2023	390/QĐ-UBND.HC ngày 31/3/2021 của UBND Tỉnh	26.797	20.900	20.900						20.900	20.900										
4	Trạm kiểm soát biên phòng Bình Phú	Bộ chỉ huy BDBP Tỉnh	2021-2022	823/QĐ-UBND-HC ngày 28/06/2021 của UBND Tỉnh	9.520	9.500	9.500						9.500	9.500										
5	Trạm kiểm soát biên phòng Cà Xiêm	Bộ chỉ huy BDBP Tỉnh	2021-2022	825/QĐ-UBND-HC ngày 28/06/2021 của UBND Tỉnh	9.518	9.500	9.500						9.500	9.500										
6	Trạm kiểm soát biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Dĩnh Bà	Bộ chỉ huy BDBP Tỉnh	2021-2022	1018/QĐ-UBND-HC ngày 26/07/2021 của UBND Tỉnh	14.928	14.900	14.900						14.900	14.900										
7	Trạm kiểm soát biên phòng Kinh Thông Nhất	Bộ chỉ huy BDBP Tỉnh	2021-2022	824/QĐ-UBND-HC ngày 28/06/2021 của UBND Tỉnh	9.417	9.400	9.400						9.400	9.400										
8	Trạm kiểm soát biên phòng Tân Thành B	Bộ chỉ huy BDBP Tỉnh	2021-2022	826/QĐ-UBND-HC ngày 28/06/2021 của UBND Tỉnh	9.266	9.200	9.200						9.200	9.200										
9	Xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh (giai đoạn 1)	Bộ chỉ huy Quân sự Tỉnh	2021-2022	388/QĐ-UBND.HC ngày 31/3/2021 của UBND Tỉnh	8.165	7.500	7.500						7.500	7.500										
10	Xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh (giai đoạn 2)	Bộ chỉ huy Quân sự Tỉnh	2021-2022	389/QĐ-UBND.HC ngày 31/3/2021 của UBND Tỉnh	14.053	13.500	13.500						13.500	13.500										
11	Bảo quản, bảo dưỡng vũ khí, trang bị kỹ thuật Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp (công trình bí mật Nhà nước)	Bộ chỉ huy Quân sự Tỉnh	2021-2023	36/QĐ-BTL ngày 27/02/2021 của Bộ Tư lệnh Quân khu IX	16.534	14.800	14.800						14.800	14.800										
12	Chốt dân quân thường trực trên tuyến biên giới tỉnh Đồng Tháp năm 2020 (công trình bí mật Nhà nước)	Bộ chỉ huy Quân sự Tỉnh	2021-2023	Số 1321/QĐ-QK ngày 15/6/2021 của Quân khu 9	16.007	12.590	12.590						12.590	12.590										
13	Nhà truyền thống Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp	Bộ chỉ huy Quân sự Tỉnh	2023-2024	367/QĐ-UBND-HC ngày 03/5/2024 của UBND Tỉnh	4.267	4.500	4.500						4.500	4.500										

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025										Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)										Ghi chú (Vốn bổ tri lại do dự toán thu chưa đạt)
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:								Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:										
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)			
14	Khu huấn luyện thể lực Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh, hạng mục: Hồ bơi	Bộ chỉ huy Quân sự Tỉnh	2023-2024	691/QĐ-UBND-HC ngày 30/06/2023 của UBND Tỉnh	11.409	11.000	11.000								11.000	11.000										
*	Chuyển tiếp từ GD 2021-2025 sang GD 2026-2030					227.600	209.707	0	17.893	0	0	0	0	0	327.877	209.707	0	118.170	0	0	0	0	0			
1	Đầu tư xây dựng công trình Khu Kinh tế Quốc phòng Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp/QK9 (giai đoạn 3)	Đoàn KT-QP 959/QK9	2024-2027	6394/QĐ-BQP ngày 06/12/2023 của Bộ Quốc phòng	240.000	50.000	50.000								80.000	80.000										
2	Xây dựng mới Trung đoàn Bộ binh 320	Bộ chỉ huy Quân sự Tỉnh	2025-2027	756/QĐ-UBND-HC ngày 05/9/2024 của UBND Tỉnh	628.456	177.600	159.707		17.893						247.877	129.707		118.170								
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội					225.789	225.789	0	0	0	0	0	0	0	225.789	225.789	0	0	0	0	0	0	0			
*	Khởi công mới trong GD 2021-2025					225.789	225.789	0	0	0	0	0	0	0	225.789	225.789	0	0	0	0	0	0	0			
1	Hội trường Bông Sen (Hội trường Công an Tỉnh) (công trình bí mật Nhà nước)	Công an Tỉnh	2024-2025	267/QĐ-UBND.HC ngày 01/8/2024 của UBND Tỉnh	77.989	77.989	77.989								77.989	77.989										
2	Nhà làm việc Đội Cảnh sát giao thông, thuộc Công an huyện Hồng Ngự	Công an Tỉnh	2021-2022	1513/QĐ-UBND-HC ngày 06/10/2021 của UBND Tỉnh	6.656	6.000	6.000								6.000	6.000										
3	Doanh trại Trung đội Cảnh sát cơ động và Đội quản lý sử dụng động vật nghiệp vụ, thuộc Phòng Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Đồng Tháp	Công an Tỉnh	2021-2022	1464/QĐ-UBND-HC ngày 28/09/2021 của UBND Tỉnh	20.113	14.000	14.000								14.000	14.000										
4	Kho vũ khí thuộc Công an tỉnh Đồng Tháp (công trình bí mật Nhà nước)	Công an Tỉnh	2021-2022	Số 1514/QĐ-UBND.HC ngày 06/10/2021 của UBND Tỉnh	9.600	9.600	9.600								9.600	9.600										
5	Hệ thống kho lưu trữ hồ sơ Công an các Huyện, Thành phố, thuộc Công an Tỉnh	Công an Tỉnh	2023-2024	553/QĐ-UBND.HC ngày 26/5/2022 của UBND Tỉnh	44.948	40.000	40.000								40.000	40.000										
6	Sửa chữa Doanh trại ngành Công an, giai đoạn 2021-2025	Công an Tỉnh	2023-2024	858/QĐ-UBND.HC ngày 05/8/2022 của UBND Tỉnh	33.988	30.600	30.600								30.600	30.600										
7	Nhà làm việc Đội Cảnh sát giao thông khu vực Tháp Mười	Công an Tỉnh	2022-2024	917/QĐ-UBND.HC ngày 16/8/2022 của UBND Tỉnh	12.504	12.200	12.200								12.200	12.200										
8	Nhà làm việc Đội Cảnh sát giao thông khu vực Hồng Ngự	Công an Tỉnh	2022-2024	967/QĐ-UBND.HC ngày 26/8/2022 của UBND Tỉnh	13.167	10.900	10.900								10.900	10.900										
9	Nhà làm việc Phòng Cảnh sát hình sự thuộc Công an Tỉnh	Công an Tỉnh	2023-2024	853/QĐ-UBND.HC ngày 04/8/2022 của UBND Tỉnh	27.253	24.500	24.500								24.500	24.500										
3	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					3.966.613	0	3.907.448	0	59.165	0	0	0	0	3.960.219	0	3.901.054	0	59.165	0	0	0	0			
*	Chuyển tiếp từ GD 2016-2020 sang GD 2021-2025					157.800	0	157.800	0	0	0	0	0	0	157.800	0	157.800	0	0	0	0	0	0			
1	Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học giai đoạn 2016 –2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở GD&ĐT	2016-2022	384/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND Tỉnh	1.918.809	139.000		139.000							139.000		139.000									

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)								Ghi chú (Vốn bổ tri lại do dự toán thu chưa đạt)	
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:							Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:								
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024		Vốn ngoài nước (ODA)	Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH		Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024
2	Trường trung cấp nghề - TTGDTX huyện Thanh Bình	Sở Nội vụ	2016-2021	1995/QĐ-UBND.HC ngày 31/12/2020 của UBND Tỉnh	65.155	3.800		3.800						3.800		3.800							
3	Nâng cấp, mở rộng trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Đồng Tháp	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN	2020-2022	1430/QĐ-UBND.HC ngày 20/9/2021 của UBND Tỉnh	30.629	15.000		15.000						15.000		15.000							
*	Khởi công mới trong GD 2021-2025					3.808.813	0	3.749.648	0	59.165	0	0	0	3.802.419	0	3.743.254	0	59.165	0	0	0	0	
1	Chương trình Đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025	Sở GD&ĐT	2021-2025	385/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; 42/NQ-HĐND ngày 13/11/2023; 52/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 của HĐND Tỉnh	3.779.199	3.235.470		3.199.105		36.365				3.229.076		3.192.711		36.365					
2	Trường Trung học phổ thông Kiến Văn	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN	2021-2023	1266/QĐ-UBND.HC ngày 18/11/2022 của UBND Tỉnh	68.056	61.200		61.200						61.200		61.200							
3	Trường Trung học phổ thông thành phố Cao Lãnh	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN	2021-2023	886/QĐ-UBND-HC ngày 07/07/2021 của UBND Tỉnh	110.313	94.110		94.110						94.110		94.110							
4	Mua sắm trang, thiết bị dạy học ngoại ngữ	Sở GD&ĐT	2022-2025	34/QĐ-UBND-HC ngày 11/01/2022 của UBND Tỉnh	63.867	49.200		49.200						49.200		49.200							
5	Xây dựng hội trường Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu	Sở GD&ĐT	2021-2023	643/QĐ-UBND-HC ngày 28/5/2021 của UBND Tỉnh	19.572	17.600		17.600						17.600		17.600							
6	Mua sắm thiết bị dạy học tin học	Sở GD&ĐT	2021-2023	828/QĐ-UBND.HC ngày 29/6/2021 của UBND Tỉnh	32.420	28.798		28.798						28.798		28.798							
7	Mua sắm thiết bị mầm non giai đoạn 2021-2025	Sở GD&ĐT	2021-2023	640/QĐ-UBND-HC ngày 27/05/2021 của UBND Tỉnh	33.699	24.090		24.090						24.090		24.090							
8	Mua sắm thiết bị bàn, ghế học sinh cho các trường phổ thông	Sở GD&ĐT	2021-2023	1954/QĐ-UBND.HC ngày 25/12/2020 của UBND Tỉnh	41.504	29.000		25.000		4.000				29.000		25.000		4.000					
9	Trường Cao đẳng cộng đồng Đồng Tháp (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN	2021-2022	574/QĐ-UBND-HC ngày 19/05/2021 của UBND Tỉnh	35.091	30.156		30.156						30.156		30.156							
10	Dự án Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1	Sở GD&ĐT	2022-2023	1268/QĐ-UBND-HC ngày 18/11/2022 của UBND Tỉnh	31.203	27.594		22.094		5.500				27.594		22.094		5.500					
11	Dự án Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2	Sở GD&ĐT	2022-2023	1269/QĐ-UBND-HC ngày 18/11/2022 của UBND Tỉnh	36.934	28.246		21.746		6.500				28.246		21.746		6.500					
12	Dự án Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 6	Sở GD&ĐT	2022-2023	1270/QĐ-UBND-HC ngày 18/11/2022 của UBND Tỉnh	38.860	37.055		30.255		6.800				37.055		30.255		6.800					

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)								Ghi chú (Vốn bổ tri lại do dự toán thu chưa đạt)		
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:							Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:									
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XD CB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT- XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024		Vốn ngoài nước (ODA)	Chi XD CB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT- XH		Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)
13	Ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2021-2025 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp	Trường CD Y tế DT	2024-2024	571/QĐ-UBND.HC ngày 01/6/2022 của UBND Tỉnh	18.277	13.500		13.500							13.500		13.500							
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Tân Hồng</i>					16.560	0	16.560	0	0	0	0	0	0	16.560	0	16.560	0	0	0	0	0	0	
1	Trường MN Thông Bình	UBND huyện Tân Hồng	2019-2021	223/QĐ-UBND.XDCB ngày 30/10/2018 của UBND huyện	12.139	3.576		3.576							3.576		3.576							
2	Trường TH Thông Bình 3	UBND huyện Tân Hồng	2019-2021	221/QĐ-UBND.XDCB ngày 30/10/2018 của UBND huyện	13.553	1.629		1.629							1.629		1.629							
3	Trường TH-THCS Thống Nhất	UBND huyện Tân Hồng	2019-2021	224/QĐ-UBND.XDCB ngày 30/10/2018 của UBND huyện	14.836	5.355		5.355							5.355		5.355							
4	Trung tâm Văn hóa - HTCD xã Tân Phước	UBND huyện Tân Hồng	2021-2022	130/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 15/6/2021 của UBND huyện	4.628	3.000		3.000							3.000		3.000							
5	Trung tâm Văn hóa - HTCD xã Tân Thành A	UBND huyện Tân Hồng	2021-2022	131/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 15/6/2021 của UBND huyện	6.771	3.000		3.000							3.000		3.000							
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Cao Lãnh</i>					8.432	0	8.432	0	0	0	0	0	0	8.432	0	8.432	0	0	0	0	0	0	
1	Trường TH Bình Hàng Trung 2	UBND huyện Cao Lãnh	2019-2021	739/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện	24.166	5.432		5.432							5.432		5.432							
2	Trung tâm Văn hóa - HTCD xã Phương Thịnh	UBND huyện Cao Lãnh	2021-2022	838/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND huyện	3.078	3.000		3.000							3.000		3.000							
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Lai Vung</i>					21.382	0	21.382	0	0	0	0	0	0	21.382	0	21.382	0	0	0	0	0	0	
1	Trường TH thị trấn Lai Vung 2	UBND huyện Lai Vung	2019-2021	388/QĐ-UBND- XDCB ngày 30/10/2019 của UBND huyện	30.551	16.382		16.382							16.382		16.382							
2	Trung tâm Văn hóa - HTCD xã Long Hậu	UBND huyện Lai Vung	2021-2021	392/QĐ-UBND- XDCB ngày 29/10/2020 của UBND huyện	5.123	1.000		1.000							1.000		1.000							
3	Trung tâm Văn hóa - HTCD xã Tân Hòa	UBND huyện Lai Vung	2021-2021	524/QĐ-UBND- XDCB ngày 25/11/2020 của UBND huyện	4.399	1.000		1.000							1.000		1.000							
4	Trung tâm Văn hóa - HTCD xã Phong Hòa	UBND huyện Lai Vung	2022-2023	334/QĐ-UBND- XDCB ngày 03/11/2021 của UBND huyện	7.924	3.000		3.000							3.000		3.000							
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Hồng Ngự</i>					52.172	0	52.172	0	0	0	0	0	0	52.172	0	52.172	0	0	0	0	0	0	
1	Trường THCS Thường Lạc	UBND huyện Hồng Ngự	2020-2022	1817/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 của UBND huyện	9.298	4.611		4.611							4.611		4.611							
2	Trường TH Thường Lạc 2	UBND huyện Hồng Ngự	2020-2022	1870/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND huyện	18.201	6.911		6.911							6.911		6.911							

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025										Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)										Ghi chú (Vốn bổ tri lại do dự toán thu chưa đạt)
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:								Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:										
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)			
3	Trường THCS Thường Phước 1	UBND huyện Hồng Ngự	2020-2022	1871/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND huyện	37.016	22.600		22.600						22.600		22.600										
4	Trường THCS Thường Thới Hậu A	UBND huyện Hồng Ngự	2020-2022	1869/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND huyện	20.967	9.050		9.050						9.050		9.050										
5	Trung tâm Văn hóa - HTCD xã Thường Thới Hậu A	UBND huyện Hồng Ngự	2022-2022	6152/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND Huyện	9.247	3.000		3.000						3.000		3.000										
6	Trung tâm Văn hóa - HTCD xã Long Khánh A	UBND huyện Hồng Ngự	2022-2023	13354/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND Huyện	8.034	3.000		3.000						3.000		3.000										
7	Trung tâm Văn hóa - HTCD xã Long Khánh B	UBND huyện Hồng Ngự	2022-2023	13355/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND Huyện	7.799	3.000		3.000						3.000		3.000										
	* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Lấp Vò					5.000	0	5.000	0	0	0	0	0	5.000	0	5.000	0	0	0	0	0	0	0	0		
1	Trung tâm Văn hóa - HTCD xã Bình Thạnh Trung	UBND huyện Lấp Vò	2021-2021	737/QĐ-UBND- HC ngày 11/9/2020 của UBND huyện	3.615	1.000		1.000						1.000		1.000										
2	Trung tâm Văn hóa - HTCD xã Long Hưng A	UBND huyện Lấp Vò	2021-2021	813/QĐ-UBND- HC ngày 07/10/2020 của UBND huyện	4.167	1.000		1.000						1.000		1.000										
3	Trung tâm Văn hóa - HTCD xã Định An	UBND huyện Lấp Vò	2021-2022	736/QĐ-UBND- HC ngày 11/9/2020 của UBND huyện	4.274	3.000		3.000						3.000		3.000										
	* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Thanh Bình					14.248	0	14.248	0	0	0	0	0	14.248	0	14.248	0	0	0	0	0	0	0	0		
1	Trung tâm Văn hóa - HTCD xã An Phong	UBND huyện Thanh Bình	2021-2022	377/QĐ-UBND- HC ngày 29/12/2020 của UBND huyện	6.466	3.000		3.000						3.000		3.000										
2	Trung tâm Văn hóa - HTCD xã Tân Phú	UBND huyện Thanh Bình	2021-2022	376/QĐ-UBND- HC ngày 29/12/2020 của UBND huyện	5.234	3.000		3.000						3.000		3.000										
3	Trung tâm Văn hóa - HTCD xã Phú Lợi	UBND huyện Thanh Bình	2022-2022	378/QĐ-UBND- HC ngày 29/12/2020 của UBND huyện	5.235	3.000		3.000						3.000		3.000										
4	Trung tâm Văn hóa - HTCD xã Tân Mỹ	UBND huyện Thanh Bình	2022-2022	534/QĐ-UBND- HC ngày 11/11/2021 của UBND huyện	7.282	3.000		3.000						3.000		3.000										
5	Trung tâm Văn hóa - HTCD xã Tân Thạnh	UBND huyện Thanh Bình	2023-2023	464/QĐ-UBND.HC ngày 30/9/2021 của UBND huyện	6.252	2.248		2.248						2.248		2.248										
	* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Tam Nông					15.000	0	15.000	0	0	0	0	0	15.000	0	15.000	0	0	0	0	0	0	0	0		
1	Trung tâm Văn hóa - HTCD xã Phú Ninh	UBND huyện Tam Nông	2021-2022	1750/QĐ-UBND- HC ngày 17/12/2020 của UBND huyện	5.089	3.000		3.000						3.000		3.000										
2	Trung tâm Văn hóa - HTCD xã An Long	UBND huyện Tam Nông	2023-2023	2036/QĐ-UBND- HC ngày 01/11/2021 của UBND huyện	3.875	3.000		3.000						3.000		3.000										

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025										Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)										Ghi chú (Vốn bổ trị lại do dự toán chưa đạt)
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:								Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:										
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)			
3	Trung tâm Văn hóa - HTCĐ xã Phú Hiệp	UBND huyện Tam Nông	2023-2023	2033/QĐ-UBND-HC ngày 01/11/2021 của UBND huyện	8.423	3.000		3.000							3.000		3.000									
4	Trung tâm Văn hóa - HTCĐ xã Phú Thành B	UBND huyện Tam Nông	2023-2023	1093/QĐ-UBND-HC ngày 05/8/2021 của UBND huyện	4.510	3.000		3.000							3.000		3.000									
5	Trung tâm Văn hóa - HTCĐ xã Phú Thành A	UBND huyện Tam Nông	2023-2024	1281/QĐ-UBND-HC ngày 07/11/2023 của UBND huyện	14.970	3.000		3.000							3.000		3.000									
4	Khoa học, công nghệ					72.964	72.964	0	0	0	0	0	0	0	72.964	72.964	0	0	0	0	0	0	0			
*	Khởi công mới trong GD 2021-2025					72.964	72.964	0	0	0	0	0	0	0	72.964	72.964	0	0	0	0	0	0	0			
1	Mua sắm thiết bị kiểm định, kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước giai đoạn năm 2021-2025	Sở Khoa học và Công nghệ	2021-2023	1289/QĐ-UBND-HC ngày 31/8/2021 của UBND Tỉnh	40.942	36.234	36.234								36.234	36.234										
2	Xưởng sản xuất thực nghiệm và phòng kiểm định hiệu chuẩn	Sở Khoa học và Công nghệ	2021-2022	930/QĐ-UBND-HC ngày 14/7/2021 của UBND Tỉnh	4.998	4.250	4.250								4.250	4.250										
3	Xây dựng kho dữ liệu dùng chung và nền tảng dữ liệu mở tỉnh Đồng Tháp	Sở Khoa học và Công nghệ	2023-2024	930/QĐ-UBND-HC ngày 14/7/2021 của UBND Tỉnh	43.036	32.480	32.480								32.480	32.480										
5	Y tế, dân số và gia đình					915.469	0	455.415	0	159.354	151.200	149.500	0	0	915.469	0	455.415	0	159.354	151.200	149.500	0	0			
*	Chuyển tiếp từ GD 2016-2020 sang GD 2021-2025					310.554	0	0	0	159.354	151.200	0	0	0	310.554	0	0	0	159.354	151.200	0	0	0			
1	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	Sở Y tế	2017-2022	333/QĐ-UBND-HC ngày 7/4/2022 của UBND Tỉnh	1.724.105	310.554				159.354	151.200				310.554				159.354	151.200						
*	Khởi công mới trong GD 2021-2025					604.915	0	455.415	0	0	0	149.500	0	0	604.915	0	455.415	0	0	0	149.500	0	0			
1	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cơ sở vật chất và trang, thiết bị Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN	2022-2024	98/QĐ-UBND-HC ngày 27/01/2022 của UBND Tỉnh	58.690	53.400		53.400							53.400		53.400									
2	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Phổi	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN	2022-2025	672/QĐ-UBND-HC ngày 27/06/2022 của UBND Tỉnh	138.691	132.000		132.000							132.000		132.000									
3	Trang bị bổ sung mới thiết bị chuyên môn cho 08 Trung tâm y tế có giường bệnh của tỉnh Đồng Tháp	Sở Y tế	2024-2024	948/QĐ-UBND-HC ngày 15/9/2023 của UBND Tỉnh	63.023	57.600		57.600							57.600		57.600									
4	Xây dựng bổ sung cơ sở vật chất Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN	2023-2025	1106/QĐ-UBND-HC ngày 12/10/2022 của UBND Tỉnh	85.147	76.600		76.600							76.600		76.600									
5	Sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị Bệnh viện đa khoa khu vực Tháp Mười	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN	2023-2025	1107/QĐ-UBND-HC ngày 12/10/2022; 907/QĐ-UBND-HC ngày 02/10/2024 (gia hạn năm 2025) của UBND Tỉnh	108.596	100.100		100.100							100.100		100.100									

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)										Ghi chú (Vốn bổ tri lại do dự toán thu chưa đạt)	
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:							Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:										
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024		Vốn ngoài nước (ODA)	Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)		
6	Đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 02 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Đồng Tháp	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN	2022-2023	1071/QĐ-UBND.HC ngày 04/10/2022 của UBND Tỉnh	171.383	154.200		18.700					135.500		154.200		18.700					135.500			
7	Trạm Kiểm dịch y tế cửa khẩu Dinh Bà	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN	2021-2022	336/QĐ-UBND-HC ngày 22/3/2021 của UBND Tỉnh	4.571	4.500		4.500							4.500		4.500								
8	Trạm Kiểm dịch y tế cửa khẩu Thường Phước	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN	2021-2022	367/QĐ-UBND.HC ngày 29/3/2021 của UBND Tỉnh	4.462	4.400		4.400							4.400		4.400								
9	Bệnh viện dã chiến huyện Tân Hồng	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN	2021-2021	1041/QĐ-UBND-HC ngày 30/07/2021 củ UBND Tỉnh	25.668	6.168		6.168							6.168		6.168								
10	Bệnh viện dã chiến huyện Hồng Ngự	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN	2021-2022	1040/QĐ-UBND-HC ngày 30/07/2021 củ UBND Tỉnh	18.370	447		447							447		447								
11	Đầu tư xây dựng và nâng cấp 03 Trạm Y tế tuyến xã thuộc tỉnh Đồng Tháp	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN	2023-2023	430/QĐ-UBND-HC ngày 10/4/2023 của UBND Tỉnh	16.434	15.500		1.500				14.000			15.500		1.500					14.000			
6	Văn hóa, thông tin					415.016	54.200	333.416	0	0	27.400	0	0	0	400.706	54.200	319.106	0	0	27.400	0	0	0		
a	Văn hóa					415.016	54.200	333.416	0	0	27.400	0	0	0	400.706	54.200	319.106	0	0	27.400	0	0	0		
*	Chuyển tiếp từ GD 2016-2020 sang GP 2021-2025					11.900	11.900	0	0	0	0	0	0	0	11.900	11.900	0	0	0	0	0	0	0		
1	Kho hiện vật Bảo tàng tổng hợp Đồng Tháp	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN	2019-2021	15/QĐ-UBND.HC ngày 05/01/2021 của UBND Tỉnh	18.663	7.900	7.900								7.900	7.900									
2	Nhà trưng bày Chủ tịch Hồ Chí Minh và phòng tiếp khách lãnh đạo, trong khuôn viên Khu di tích mộ Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc	Sở VH TT&DL	2018-2022	228/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 của UBND Tỉnh	9.504	4.000	4.000								4.000	4.000									
*	Khởi công mới trong GD 2021-2025					302.503	42.300	232.803	0	0	27.400	0	0	0	288.193	42.300	218.493	0	0	27.400	0	0	0		
1	Nhà trưng bày Xứ ủy Nam bộ và văn hóa Óc Eo tại Khu di tích quốc gia đặc biệt Gò Tháp, tỉnh Đồng Tháp	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN	2021-2023	1267/QĐ-UBND.HC ngày 18/11/2022 của UBND Tỉnh	55.108	52.700	25.300				27.400				52.700	25.300				27.400					
2	Xây dựng công trình phục vụ Thiết chế văn hóa cho thanh niên thiếu nhi tỉnh Đồng Tháp	Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn ĐT	2024-2025	184/QĐ-UBND.HC ngày 08/3/2024 của UBND Tỉnh	52.438	50.542		50.542							50.542		50.542								
3	Bảo tồn tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc	Sở VH TT&DL	2023-2023	805/QĐ-UBND-HC ngày 21/07/2022 của UBND Tỉnh	1.402	1.161		1.161							1.161		1.161								
4	Tu bổ, chống xuống cấp một số di tích trên địa bàn tỉnh ĐT	Sở VH TT&DL	2023-2024	1058/QĐ-UBND-HC ngày 30/09/2022 của UBND Tỉnh	39.701	35.900		35.900							35.900		35.900								
5	Phát huy giá trị di tích lịch sử cách mạng	Sở VH TT&DL	2024-2024	1527/QĐ-UBND-HC ngày 07/10/2021 của UBND Tỉnh	14.719	14.700		14.700							390		390								
6	Trụ sở làm việc, trưng bày Khu di tích Xẻo Quít	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN	2025-2026	950/QĐ-UBND-HC ngày 11/10/2024 của UBND Tỉnh	44.539	43.500		43.500							43.500		43.500								

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)								Ghi chú (Vốn bổ trị lại do dự toán thu chưa đạt)
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:							Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:							
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XD CB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT- XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024		Vốn ngoài nước (ODA)	Chi XD CB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT- XH	
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho thành phố Cao Lãnh</i>				60.000	0	60.000	0	0	0	0	0	60.000	0	60.000	0	0	0	0	0	0	
1	Khu lưu niệm Chi bộ An Nam Cộng sản Đảng, xã Hòa An, TPCL	UBND thành phố Cao Lãnh	2025-2026	166/QĐ-UBND ngày 09/10/2024 của UBND TPCL	145,260	60.000		60.000					60.000		60.000							
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Hồng Ngự</i>				15.000	15.000	0	0	0	0	0	0	15.000	15.000	0	0	0	0	0	0	0	
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện Hồng Ngự	UBND huyện Hồng Ngự	2023-2024	5950/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND huyện	39.903	15.000	15.000						15.000	15.000								
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Lai Vung</i>				10.000	0	10.000	0	0	0	0	0	10.000	0	10.000	0	0	0	0	0	0	
1	Hoa viên và đường vào khu mộ Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Nguyễn Văn Bảy	UBND huyện Lai Vung	2024-2026	78/QĐ-UBND-XDCB ngày 27/3/2024 của UBND Huyện	23.743	10.000		10.000					10.000		10.000							
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Lấp Vò</i>				19.000	2.000	17.000	0	0	0	0	0	19.000	2.000	17.000	0	0	0	0	0	0	
1	Tu bổ di tích Khu lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng	UBND huyện Lấp Vò	2025-2025	586/QĐ-UBND,HC ngày 22/10/2024 của UBND Huyện	12.601	7.000		7.000					7.000		7.000							
2	Tu bổ di tích Đình Định Yên	UBND huyện Lấp Vò	2025-2025	585/QĐ-UBND,HC ngày 22/10/2024 của UBND Huyện	12.902	12.000	2.000	10.000					12.000	2.000	10.000							
*	<i>Chuyển tiếp từ GD 2021-2025 sang GD 2026-2030</i>					100.613	0	100.613	0	0	0	0	100.613	0	100.613	0	0	0	0	0	0	
1	Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc	Sở VH TT&DL	2025-2026	838/QĐ-UBND-HC ngày 19/9/2024 của UBND Tỉnh	145.106	100.613		100.613					100.613		100.613							
7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn					33.500	33.500	0	0	0	0	0	33.500	33.500	0	0	0	0	0	0	0	
*	<i>Khởi công mới trong GD 2021-2025</i>					33.500	33.500	0	0	0	0	0	33.500	33.500	0	0	0	0	0	0	0	
1	Thiết bị truyền hình kỹ thuật số chuẩn HD	Đài Phát thanh Truyền hình ĐT	2022-2025	1126/QĐ-UBND-HC ngày 10/8/2021 của UBND Tỉnh	57.112	33.500	33.500						33.500	33.500								
8	Thể dục, thể thao					128.906	37.700	91.206	0	0	0	0	128.906	37.700	91.206	0	0	0	0	0	0	
*	<i>Khởi công mới trong GD 2021-2025</i>					128.906	37.700	91.206	0	0	0	0	128.906	37.700	91.206	0	0	0	0	0	0	
1	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất Khu liên hợp thể dục thể thao	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN	2022-2022	1001/QĐ-UBND,HC ngày 07/9/2022 của UBND Tỉnh	42.061	37.700	37.700						37.700	37.700								
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Tháp Mười</i>				9.200	0	9.200	0	0	0	0	0	9.200	0	9.200	0	0	0	0	0	0	
1	Khu liên hợp thể dục thể thao huyện Tháp Mười	UBND huyện Tháp Mười	2022-2023	10553/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND huyện	6.104	4.000		4.000					4.000		4.000							
2	Tổ hợp thể thao xã Thanh Mỹ	UBND huyện Tháp Mười	2023-2023	3268/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND huyện	5.934	2.600		2.600					2.600		2.600							
3	Tổ hợp thể thao xã Đốc Bình Kiều	UBND huyện Tháp Mười	2022-2022	10552/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND huyện	5.572	2.600		2.600					2.600		2.600							
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Hồng Ngự</i>				8.186	0	8.186	0	0	0	0	0	8.186	0	8.186	0	0	0	0	0	0	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)								Ghi chú (Vốn bổ tri lại do dự toán thu chưa đạt)	
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:							Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:								
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XD CB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT- XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024		Vốn ngoài nước (ODA)	Chi XD CB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT- XH		Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024
1	Khu liên hợp TDTT huyện Hồng Ngự	UBND huyện Hồng Ngự	2022-2023	6156/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 của UBND huyện	3.512	3.372		3.372						3.372		3.372							
2	Tổ hợp thể thao xã Long Thuận	UBND huyện Hồng Ngự	2022-2023	13174/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND huyện	3.102	2.600		2.600						2.600		2.600							
3	Tổ hợp thể thao xã Long Khánh A	UBND huyện Hồng Ngự	2022-2023	6157/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 của UBND huyện	2.645	2.214		2.214						2.214		2.214							
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho thành phố Hồng Ngự</i>					2.400	0	2.400	0	0	0	0	0	2.400	0	2.400	0	0	0	0	0	0	0
1	Tổ hợp thể thao xã Tân Hội	UBND thành phố Hồng Ngự	2022-2023	2744/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND huyện	3.546	2.400		2.400						2.400		2.400							
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Thanh Bình</i>					16.120	0	16.120	0	0	0	0	0	16.120	0	16.120	0	0	0	0	0	0	0
1	Khu liên hợp TDTT huyện Thanh Bình	UBND huyện Thanh Bình	2022-2024	338/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2023 của UBND huyện	5.430	5.000		5.000						5.000		5.000							
2	Tổ hợp thể thao xã Bình Tấn	UBND huyện Thanh Bình	2022-2024	280/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của UBND huyện	2.611	2.048		2.048						2.048		2.048							
3	Tổ hợp thể thao xã Tân Phú	UBND huyện Thanh Bình	2022-2024	237/QĐ-UBND.HC ngày 11/7/2023 của UBND huyện	2.658	2.272		2.272						2.272		2.272							
4	Tổ hợp thể thao xã Tân Mỹ	UBND huyện Thanh Bình	2022-2024	281/QĐ-UBND.HC ngày 24/8/2023 của UBND huyện	3.301	2.600		2.600						2.600		2.600							
5	Tổ hợp thể thao xã Tân Long	UBND huyện Thanh Bình	2022-2022	567/QĐ-UBND.HC ngày 25/11/2021 của UBND huyện	2.658	2.600		2.600						2.600		2.600							
6	Tổ hợp thể thao xã Tân Quới	UBND huyện Thanh Bình	2022-2023	568/QĐ-UBND- HC ngày 25/11/2021 của UBND huyện	2.805	1.600		1.600						1.600		1.600							
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho thành phố Cao Lãnh</i>					2.600	0	2.600	0	0	0	0	0	2.600	0	2.600	0	0	0	0	0	0	0
1	Tổ hợp thể thao xã Tân Thuận Tây	UBND thành phố Cao Lãnh	2022-2023	2343/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND Thành phố	14.996	2.600		2.600						2.600		2.600							
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Lai Vung</i>					10.000	0	10.000	0	0	0	0	0	10.000	0	10.000	0	0	0	0	0	0	0
1	Khu liên hợp TDTT huyện Lai Vung	UBND huyện Lai Vung	2022-2024	563/QĐ-UBND- XD CB ngày 14/11/2023 của UBND huyện	6.434	5.000		5.000						5.000		5.000							
2	Tổ hợp thể thao xã Tân Thành	UBND huyện Lai Vung	2022-2024	338/QĐ-UBND- XD CB ngày 03/11/2021 của UBND huyện	3.009	2.400		2.400						2.400		2.400							
3	Tổ hợp thể thao xã Phong Hòa	UBND huyện Lai Vung	2022-2024	40/QĐ-UBND- XD CB ngày 24/01/2022 của UBND huyện	11.408	2.600		2.600						2.600		2.600							
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Lấp Vò</i>					11.300	0	11.300	0	0	0	0	0	11.300	0	11.300	0	0	0	0	0	0	0

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)								Ghi chú (Vốn bổ tri lại do dự toán thu chưa đạt)		
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:							Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:									
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024		Vốn ngoài nước (ODA)	Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH		Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)
1	Khu liên hợp TDTT huyện Lấp Vò	UBND huyện Lấp Vò	2023-2024	296/QĐ-UBND.HC ngày 08/4/2022 của UBND huyện	4.637	4.000		4.000							4.000		4.000							
2	Tổ hợp thể thao xã Long Hưng B	UBND huyện Lấp Vò	2022-2022	172/QĐ-UBND-HC ngày 25/01/2022 của UBND huyện	3.059	2.100		2.100							2.100		2.100							
3	Tổ hợp thể thao xã Bình Thạnh Trung	UBND huyện Lấp Vò	2022-2022	174/QĐ-UBND-HC ngày 25/01/2022 của UBND huyện	2.884	2.600		2.600							2.600		2.600							
4	Tổ hợp thể thao xã Hội An Đông	UBND huyện Lấp Vò	2022-2023	173/QĐ-UBND-HC ngày 25/01/2022 của UBND huyện	3.991	2.600		2.600							2.600		2.600							
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Châu Thành</i>					2.600	0	2.600	0	0	0	0	0	0	2.600	0	2.600	0	0	0	0	0	0	0
1	Tổ hợp thể thao xã An Phú Thuận	UBND huyện Châu Thành	2022-2022	1797/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND huyện	3.696	2.600		2.600							2.600		2.600							
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Tân Hồng</i>					14.200	0	14.200	0	0	0	0	0	0	14.200	0	14.200	0	0	0	0	0	0	0
1	Khu liên hợp TDTT huyện Tân Hồng	UBND huyện Tân Hồng	2023-2023	325/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 28/12/2020 của UBND huyện	6.571	5.500		5.500							5.500		5.500							
2	Tổ hợp thể thao xã Tân Công Chí	UBND huyện Tân Hồng	2023-2023	393/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 19/11/2021 của UBND huyện	4.448	2.000		2.000							2.000		2.000							
3	Tổ hợp thể thao xã Tân Thành B	UBND huyện Tân Hồng	2023-2023	326/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 28/12/2020 của UBND huyện	3.934	2.000		2.000							2.000		2.000							
4	Tổ hợp thể thao xã Tân Hộ Cơ	UBND huyện Tân Hồng	2024-2025	219/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 02/11/2023 của UBND huyện	3.258	2.900		2.900							2.900		2.900							
5	Tổ hợp thể thao xã Bình Phú	UBND huyện Tân Hồng	2024-2025	218/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 02/11/2023 của UBND huyện	1.924	1.800		1.800							1.800		1.800							
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Cao Lãnh</i>					2.600	0	2.600	0	0	0	0	0	0	2.600	0	2.600	0	0	0	0	0	0	0
1	Tổ hợp thể thao xã Bình Thạnh	UBND huyện Cao Lãnh	2023-2023	1868/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND huyện	2.600	2.600		2.600							2.600		2.600							
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho thành phố Sa Đéc</i>					4.200	0	4.200	0	0	0	0	0	0	4.200	0	4.200	0	0	0	0	0	0	0
1	Sân Bóng đá 7 người	UBND thành phố Sa Đéc	2024-2024	226/QĐ-UBND-XDCB ngày 23/11/2023 của UBND TPŞĐ	6.993	3.000		3.000							3.000		3.000							
2	Sân Bóng chuyền	UBND thành phố Sa Đéc	2024-2024	227/QĐ-UBND-XDCB ngày 23/11/2023 của UBND TPŞĐ	3.873	1.200		1.200							1.200		1.200							
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Tam Nông</i>					7.800	0	7.800	0	0	0	0	0	0	7.800	0	7.800	0	0	0	0	0	0	0

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)								Ghi chú (Vốn bổ trợ lại do dự toán thu chưa đạt)		
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:							Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:									
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024		Vốn ngoài nước (ODA)	Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH		Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)
1	Tổ hợp thể thao xã Phú Thọ	UBND huyện Tam Nông	2022-2023	2414/QĐ-UBND-HC ngày 22/12/2021 của UBND huyện	3.409	2.600		2.600						2.600		2.600								
2	Tổ hợp thể thao xã Phú Đức	UBND huyện Tam Nông	2022-2023	2413/QĐ-UBND-HC ngày 22/12/2021 của UBND huyện	2.970	2.600		2.600						2.600		2.600								
3	Tổ hợp thể thao xã Phú Hiệp	UBND huyện Tam Nông	2025-2025	1596/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 01/10/2024 của UBND huyện	3.306	2.600		2.600						2.600		2.600								
9	Bảo vệ môi trường					908.955	55.900	40.417	0	77.638	400.000	0	0	335.000	908.955	55.900	40.417	0	77.638	400.000	0	0	335.000	
a	Môi trường					908.955	55.900	40.417	0	77.638	400.000	0	0	335.000	908.955	55.900	40.417	0	77.638	400.000	0	0	335.000	
*	Chuyển tiếp từ GD 2016-2020 sang GD 2021-2025					441.461	0	28.823	0	77.638	0	0	0	335.000	441.461	0	28.823	0	77.638	0	0	0	335.000	
1	Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL); Tiểu dự án Nâng cao khả năng thoát lũ và phát triển sinh kế bền vững thích ứng với khí hậu cho vùng Đồng Tháp Mười (WB9)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2018-2024	1410/QĐ-UBND.HC ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh	663.704	369.461		28.823		5.638				335.000	369.461		28.823		5.638					335.000
2	Nâng cấp tuyến đê bao, kè chống sạt lở, xây dựng hệ thống công dọc sông Tiền, TPCL (GD1)	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT		1240/QĐ-UBND.HC ngày 14/11/2022 của UBND Tỉnh	391.110	72.000				72.000				72.000					72.000					
*	Khởi công mới trong GD 2021-2025					467.494	55.900	11.594	0	0	400.000	0	0	0	467.494	55.900	11.594	0	0	400.000	0	0	0	
1	Nâng cấp tuyến đê bao, kè chống sạt lở, xây dựng hệ thống công dọc sông Tiền, Thành phố Cao Lãnh (giai đoạn 2)	UBND Thành phố Cao Lãnh	2025-2025	1030/QĐ-UBND-HC ngày 29/10/2024 của UBND Tỉnh	512.484	400.000					400.000			400.000					400.000					
2	Đầu tư Hạ tầng phục vụ Chương trình phục hồi và phát triển Sầu đầu đô tại Vườn Quốc gia Tràm Chim giai đoạn 2	Vườn Quốc gia Tràm Chim	2024-2025	159/QĐ-UBND.HC ngày 28/02/2024 của UBND Tỉnh	11.594	11.594		11.594						11.594		11.594								
3	Mở rộng Trung tâm công nghệ xử lý môi trường Mỹ Tho (giai đoạn 1)	Trung tâm Phát triển quỹ đất - Sở NN&TM	2023-2024	298/QĐ-UBND-HC ngày 10/04/2024 của UBND Tỉnh	59.185	55.900	55.900							55.900	55.900									
10	Các hoạt động kinh tế					15.338.128	1.366.395	3.409.054	719.665	1.196.414	6.803.600	1.035.000	336.000	472.000	15.522.905	1.366.395	3.365.501	760.727	1.383.682	6.803.600	1.035.000	336.000	472.000	228.330
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					3.611.813	154.703	318.996	0	46.714	1.993.400	290.000	336.000	472.000	3.611.813	154.703	318.996	0	46.714	1.993.400	290.000	336.000	472.000	0
*	Chuyển tiếp từ GD 2016-2020 sang GD 2021-2025					1.224.410	7.300	157.910	0	17.200	570.000	0	0	472.000	1.224.410	7.300	157.910	0	17.200	570.000	0	0	472.000	0
1	Chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (dự án VnSAT) trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (NS Tỉnh đối ứng vốn ODA)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2019-2022	503/QĐ-UBND.HC ngày 04/5/2021 của UBND Tỉnh	333.556	182.700		40.700						142.000	182.700		40.700							142.000
2	Xử lý sạt lở cấp bách bờ sông Tiền khu vực xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT	2020-2022	1520/QĐ-UBND-HC ngày 06/10/2021 của UBND Tỉnh	81.513	30.710		30.710						30.710		30.710								
3	Kê Hồ Cừ, xã Hoà An, thành phố Cao Lãnh	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT	2020-2023	1850/QĐ-UBND-HC ngày 06/12/2021 của UBND Tỉnh	158.999	7.300	7.300							7.300	7.300									

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)								Ghi chú (Vốn bổ tri lại do dự toán thu chưa đạt)		
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:							Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:									
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024		Vốn ngoài nước (ODA)	Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH		Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)
4	Phòng chống sạt lở bờ sông để bảo vệ dân cư tại các khu vực xung yếu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT	2019-2021	1900/QĐ-UBND.HC ngày 14/12/2021 của UBND Tỉnh	175.039	7.200				7.200					7.200				7.200					
5	Kè bờ từ đoạn Kè Bình Thành đến Vàm Phong Mỹ	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT	2020-2023	938/QĐ-UBND.HC ngày 14/7/2021 của UBND Tỉnh	112.849	80.000		0			80.000				80.000		0		80.000					
6	Phát triển cơ sở hạ tầng tỉnh Đồng Tháp	UBND huyện Thanh Bình	2019-2024	383/QĐ-UBND.HC ngày 31/3/2023 của UBND Tỉnh	678.248	538.500		56.500			152.000			330.000	538.500		56.500		152.000				330.000	
7	Phòng chống sạt lở bờ sông để bảo vệ dân cư tại các khu vực xung yếu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (xã Long Thuận và Phú Thuận A, HHN)	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT	2021-2024	312/QĐ-UBND-HC ngày 15/04/2024 của UBND Tỉnh	300.000	250.000					250.000				250.000				250.000					
8	Hệ thống đê bao nhằm ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	UBND huyện Tam Nông	2019-2023	1178/QĐ-UBND-HC ngày 28/10/2022 của UBND Tỉnh	251.160	53.000					53.000				53.000				53.000					
9	Bổ tri ổn định dân cư Giồng Dúi - Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự	UBND huyện Hồng Ngự	2020-2022	939/QĐ-UBND-HC ngày 14/07/2021 của UBND Tỉnh	68.718	25.000			10.000	15.000					25.000			10.000	15.000					
10	Bổ tri ổn định dân cư Dinh Bà, xã Tân Hộ Cơ, huyện Tân Hồng	UBND huyện Tân Hồng	2020-2024	1329/QĐ-UBND-HC ngày 22/12/2023 của UBND Tỉnh	79.505	50.000		30.000			20.000				50.000		30.000		20.000					
*	Khởi công mới trong GD 2021-2025					2.387.403	147.403	161.086	0	29.514	1.423.400	290.000	336.000	0	2.387.403	147.403	161.086	0	29.514	1.423.400	290.000	336.000	0	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	Sở NN&MT phối hợp với UBND các huyện	2022-2025	15/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND Tỉnh	769.121	508.400					508.400				508.400				508.400					
2	Xử lý cấp bách sạt lở bờ sông Tiền khu vực xã Tân Mỹ, xã Mỹ An Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT	2023-2023	638/QĐ-UBND.HC ngày 20/6/2022 của UBND Tỉnh	399.077	378.400		66.886		21.514			290.000		378.400		66.886		21.514		290.000			
3	Xử lý sạt lở cấp bách bờ sông Tiền khu vực xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT	2024-2025	1377/QĐ-UBND-HC ngày 29/12/2023 của UBND Tỉnh	386.000	347.000		32.000			315.000				347.000		32.000		315.000					
4	Hạ tầng quản lý bảo vệ rừng và phát triển hệ sinh thái bền vững Vườn Quốc gia Tràm Chim giai đoạn 2021-2025	Vườn Quốc gia Tràm Chim	2023-2024	1236/QĐ-UBND-HC ngày 14/11/2022 của UBND Tỉnh	72.905	65.000	15.000				50.000				65.000	15.000			50.000					
5	Kè Hồ Cự, thành phố Cao Lãnh (từ kè giai đoạn nối dài đến cầu Cao Lãnh), tỉnh Đồng Tháp	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT	2023-2024	1200/QĐ-UBND.HC ngày 20/11/2023 của UBND Tỉnh	277.939	250.000							250.000		250.000						250.000			
6	Kè Hồ Cự, xã Hoà An, thành phố Cao Lãnh (nối dài về phía hạ lưu)	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT	2022-2024	97/QĐ-UBND-HC ngày 26/01/2022 của UBND Tỉnh	287.404	255.400	5.400				250.000				255.400	5.400			250.000					

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025										Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)										Ghi chú (Vốn bổ tri lại do dự toán thu chưa đạt)
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:								Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:										
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XD CB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT- XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)		Chi XD CB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Chương trình phục hồi và phát triển KT- XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)			
7	Bổ trí dân cư tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025	Sở XD phối hợp với UBND: TPCL, HTB, HTN, HHN	2024-2025	463/QĐ-UBND- HC ngày 20/04/2023 của UBND Tỉnh	290.850	190.000	40.000					150.000					190.000	40.000					150.000			
8	Đảm bảo nước sạch vùng nông thôn trong điều kiện biến đổi khí hậu tỉnh Đồng Tháp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2025-2025	993/QĐ-UBND- HC ngày 23/10/2024 của UBND Tỉnh	168.004	150.000						150.000					150.000						150.000			
9	Xây dựng các hạng mục PCCCR ở phân khu A5	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT	2022-2022	188/QĐ- UBND.HC ngày 02/3/2022 của UBND Tỉnh	5.611	4.800	4.800										4.800	4.800								
10	Nâng cấp công suất, tuyến ống truyền tải cấp nước khu vực ấp Tuyết Hồng, xã Tân Phước, HTH	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2021-2022	833/QĐ-UBND- HC ngày 30/06/2021 của UBND Tỉnh	7.669	4.600	4.600										4.600	4.600								
11	Nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước sạch nông thôn khu vực Giồng Găng, xã Tân Phước - Cà Váng, xã Thông Bình, HTH	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2022-2024	1378/QĐ-UBND- HC ngày 29/12/2023 của UBND Tỉnh	22.981	20.700		20.700									20.700		20.700							
12	Di dân tập trung tuyến dân cư rạch Mã Trường, xã Tân Quới, huyện Thanh Bình	UBND huyện Thanh Bình	2023-2024	605/QĐ-UBND- HC ngày 02/6/2023 của UBND Tỉnh	75.794	50.000							50.000				50.000						50.000			
13	Di dân tập trung tuyến dân cư kênh 17, xã Long Thuận, huyện Hồng Ngự	UBND huyện Hồng ngự	2023-2025	606/QĐ-UBND- HC ngày 02/6/2023 của UBND Tỉnh	59.812	36.000								36.000			36.000						36.000			
14	Mạng đường ống cấp nước đến hộ gia đình sau tuyến ống chính của Dự án thành phần số 7	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2024-2025	1202/QĐ-UBND- HC ngày 21/11/2023 của UBND Tỉnh	33.333	30.000		30.000									30.000		30.000							
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Thanh Bình</i>					11.500	0	11.500	0	0	0	0	0	0	0	0	11.500	0	11.500	0	0	0	0	0	0	0
1	Bờ kè Dinh Ông, xã Tân Thạnh	UBND huyện Thanh Bình	2023-2024	234a/QĐ- UBND.HC ngày 07/7/2023 của UBND huyện	14.540	11.500		11.500									11.500		11.500							
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Lai Vung</i>					15.300	7.300	0	0	8.000	0	0	0	0	0	0	15.300	7.300	0	0	8.000	0	0	0	0	0
1	Kè chống sạt lở tuyến đường Cái Mít (đoạn chân cầu Hòa Định)	UBND huyện Lai Vung	2022-2023	366/QĐ-UBND- XD CB ngày 05/11/2021 của UBND huyện	9.611	8.000				8.000							8.000				8.000					
2	CDC xã Hòa Long	UBND huyện Lai Vung	2021-2022	70/QĐ- UBND.XD CB ngày 15/6/2021 của UBND huyện	7.029	4.000	4.000										4.000	4.000								
3	CDC xã Vĩnh Thới	UBND huyện Lai Vung	2022-2023	210/QĐ-UBND- XD CB ngày 05/8/2021 của UBND huyện	4.300	3.300	3.300										3.300	3.300								
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Lấp Vò</i>					3.100	3.100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3.100	3.100	0	0	0	0	0	0	0	0
1	CDC Ngã 3 Tháp, xã Mỹ An Hưng B	UBND huyện Lấp Vò	2021-2021	1055/QĐ- UBND.HC ngày 24/12/2020 của UBND huyện	1.192	950	950										950	950								
2	CDC Thầy Phó-Ông Đạt, xã Định An	UBND huyện Lấp Vò	2021-2021	1054/QĐ- UBND.HC ngày 24/12/2020 của UBND huyện	2.741	2.150	2.150										2.150	2.150								

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)								Ghi chú (Vốn bổ tri lại do dự toán thu chưa đạt)
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:							Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:							
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024		Vốn ngoài nước (ODA)	Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	
	* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Tam Nông				27.346	27.346	0	0	0	0	0	0	27.346	27.346	0	0	0	0	0	0	0	
1	CDC Trung tâm xã Hoà Bình	UBND huyện Tam Nông	2021-2022	1852/QĐ-UBND.HC ngày 18/12/2020 của UBND huyện	8.506	4.000	4.000						4.000	4.000								
2	CDC Trung tâm xã Phú Hiệp	UBND huyện Tam Nông	2021-2022	1851/QĐ-UBND.HC ngày 18/12/2020 của UBND huyện	7.023	4.000	4.000						4.000	4.000								
3	CDC ấp Hồng Kỳ, xã Phú Cường	UBND huyện Tam Nông	2023-2024	888/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND huyện	6.641	4.000	4.000						4.000	4.000								
4	CDC ấp Phú Xuân, xã Phú Đức	UBND huyện Tam Nông	2023-2024	885/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND huyện	4.683	3.746	3.746						3.746	3.746								
5	Cải tạo sửa chữa hạ tầng kỹ thuật cụm dân cư Cà Nỏ	UBND huyện Tam Nông	2022-2022	1016/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của UBND huyện	5.566	4.000	4.000						4.000	4.000								
6	Cải tạo sửa chữa hạ tầng kỹ thuật cụm dân cư trung tâm xã Phú Ninh	UBND huyện Tam Nông	2022-2023	1017/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của UBND huyện	8.160	4.000	4.000						4.000	4.000								
7	Cải tạo sửa chữa hạ tầng kỹ thuật cụm dân cư trung tâm xã Phú Thành A	UBND huyện Tam Nông	2022-2023	1132/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của UBND huyện	5.660	3.600	3.600						3.600	3.600								
	* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Hồng Ngự					2.000	2.000	0	0	0	0	0	2.000	2.000	0	0	0	0	0	0	0	
1	TĐC đường tắt số 3, xã Long Thuận	UBND huyện Hồng Ngự	2021-2022	1183/QĐ-UBND ngày 22/3/2021 của UBND Huyện	4.447	2.000	2.000						2.000	2.000								
	* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Tân Hồng					9.100	9.100	0	0	0	0	0	9.100	9.100	0	0	0	0	0	0	0	
1	CDC xã An Phước	UBND huyện Tân Hồng	2021-2022	327/QĐ-UBND.XDCB ngày 28/12/2020 của UBND huyện	6.723	3.400	3.400						3.400	3.400								
2	CDC Bắc Trang	UBND huyện Tân Hồng	2022-2023	394/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 19/11/2021 của UBND huyện	4.090	1.700	1.700						1.700	1.700								
3	CDC Thống Nhất	UBND huyện Tân Hồng	2022-2024	395/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 19/11/2021 của UBND huyện	6.558	4.000	4.000						4.000	4.000								
	* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Tháp Mười					10.700	10.700	0	0	0	0	0	10.700	10.700	0	0	0	0	0	0	0	
1	CDC Trung tâm xã Thạnh Lợi	UBND huyện Tháp Mười	2021-2022	5351/QĐ-UBND.HC ngày 21/12/2020 của UBND huyện	5.459	4.000	4.000						4.000	4.000								
2	CDC Gò Tháp mở rộng	UBND huyện Tháp Mười	2021-2022	5352/QĐ-UBND.HC ngày 21/12/2020 của UBND huyện	3.626	3.000	3.000						3.000	3.000								
3	CDC Phú Điền mở rộng	UBND huyện Tháp Mười	2022-2023	10546/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND huyện Tháp Mười	1.887	800	800						800	800								
4	TĐC kênh Đồng Tiến	UBND huyện Tháp Mười	2022-2022	10547/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND huyện Tháp Mười	5.512	2.000	2.000						2.000	2.000								

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)										Ghi chú (Vốn bổ tri lại do dự toán thu chưa đạt)		
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:							Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:											
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024		Vốn ngoài nước (ODA)	Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)			
5	CDC Trung tâm xã Phú Điền	UBND huyện Tháp Mười	2022-2022	10545/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND huyện Tháp Mười	5.182	900	900							900	900											
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Cao Lãnh</i>					18.057	18.057	0	0	0	0	0	0	18.057	18.057	0	0	0	0	0	0	0	0			
1	CDC xã Bình Thạnh	UBND huyện Cao Lãnh	2021-2023	837/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND huyện	6.956	4.000	4.000							4.000	4.000											
2	CDC Kênh 15, xã Gáo Giồng	UBND huyện Cao Lãnh	2024-2024	22/QĐ-UBND ngày 30/01/2023 của UBND Huyện	6.890	2.257	2.257							2.257	2.257											
3	CDC xã Mỹ Xương	UBND huyện Cao Lãnh	2023-2023	1838/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND huyện	7.651	4.000	4.000							4.000	4.000											
4	CDC xã Phương Trà	UBND huyện Cao Lãnh	2022-2022	1836/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND Huyện	5.194	3.600	3.600							3.600	3.600											
5	CDC xã Tân Hội Trung	UBND huyện Cao Lãnh	2024-2024	461/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của UBND HCL	8.693	4.200	4.200							4.200	4.200											
b	Giao thông					7.077.026	187.400	1.863.393	0	146.233	4.135.000	745.000	0	0	7.061.926	187.400	1.848.293	0	146.233	4.135.000	745.000	0	0			
*	Chuyển tiếp từ GD 2016-2020 sang GD 2021-2025					517.782	19.100	481.322	0	17.360	0	0	0	517.782	19.100	481.322	0	17.360	0	0	0	0	0	0		
1	Nâng cấp đường ĐT.841 và xây dựng mới cầu Sờ Thượng 2	Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông	2020-2024	54/QĐ-UBND-HC ngày 22/01/2024 của UBND tỉnh	328.157	186.308		186.308						186.308	186.308											
2	Đường ĐT 852B giai đoạn 2 (đường vành đai Tây Bắc)	Sở Xây dựng	2018-2021	324/QĐ-UBND-HC ngày 22/3/2021 của UBND Tỉnh	269.333	6.500		6.500						6.500	6.500											
3	Đường từ Sờ Tư pháp kết nối đường Tân Việt Hóa	Sở Xây dựng	2018-2021	1930/QĐ-UBND-HC ngày 21/12/2021 của UBND Tỉnh	477.300	3.300		3.300						3.300	3.300											
4	Hệ thống giao thông kết nối hạ tầng du lịch và nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp	Sở Xây dựng	2017-2023	43/QĐ-UBND-HC ngày 13/01/2022 của UBND Tỉnh	1.208.245	34.000		34.000						34.000	34.000											
5	Sửa chữa đường ĐT 844 đoạn từ An Long đến thị trấn Tràm Chim (Km0+000 – Km17+872)	Sở Xây dựng	2018-2021	1621/QĐ-UBND-HC ngày 16/10/2020 của UBND Tỉnh	65.137	9.000		9.000						9.000	9.000											
6	Đường vành đai Tây Bắc thuộc khu di tích Gò Tháp	Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông	2020-2021	1209/QĐ-UBND-HC ngày 03/8/2020 của UBND Tỉnh	25.624	13.000		13.000						13.000	13.000											
7	Mở rộng đường ĐT.846 đoạn Mỹ An - Bàng Lãng	Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông	2020-2022	1289/QĐ-UBND-HC ngày 22/11/2022 của UBND Tỉnh	78.848	39.714		39.714						39.714	39.714											
8	Nâng cấp đường ĐT.848 đoạn từ nút giao ĐT.849 đến cầu Cái Tàu Thượng	Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông	2020-2023	1288/QĐ-UBND-HC ngày 22/11/2022 của UBND Tỉnh	78.897	53.500		53.500						53.500	53.500											
9	Nâng cấp đường ĐT.848 đoạn từ vòng xoay KCN C đến nút giao ĐT849	Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông	2020-2021	1675/QĐ-UBND.HC ngày 30/12/2019 của UBND Tỉnh	79.118	35.000		35.000						35.000	35.000											
10	Bến phà Tân Châu – Hồng Ngự (phía bờ huyện Hồng Ngự)	Sở Xây dựng	2019-2022	1929/QĐ-UBND-HC ngày 21/12/2021 của UBND Tỉnh	32.893	2.100	2.100							2.100	2.100											

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)								Ghi chú (Vốn bổ tri lại do dự toán thu chưa đạt)		
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:							Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:									
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024		Vốn ngoài nước (ODA)	Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH		Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)
11	Nâng cấp đường liên huyện Tân Hội Trung - Thanh Mỹ	Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông	2020-2021	902/QĐ-UBND-HC ngày 16/6/2020 của UBND Tỉnh	69.453	17.000		17.000						17.000		17.000								
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Châu Thành</i>					78.360	17.000	44.000	0	17.360	0	0	0	78.360	17.000	44.000	0	17.360	0	0	0	0		
1	Đường từ Trạm biến áp 110kv đến Cùm dân cư Hang Mai	UBND huyện Châu Thành	2020-2022	325/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND huyện	14.126	4.000		4.000						4.000		4.000								
2	Đường ĐT853 cũ	UBND huyện Châu Thành	2020-2021	669/QĐ-UBND ngày 06/8/2020 của UBND huyện	46.245	15.000		15.000						15.000		15.000								
3	Đường An Khánh - An Phú Thuận	UBND huyện Châu Thành	2020-2022	668/QĐ-UBND ngày 06/8/2020 của UBND huyện	38.209	16.910		10.000		6.910				16.910		10.000		6.910						
4	Đường kết nối ĐT.853 (Đồng Tháp) - ĐT908 (Vĩnh Long), huyện Châu Thành	UBND huyện Châu Thành	2020-2022	1440/QĐ-UBND ngày 12/10/2021 của UBND huyện	58.421	25.900	17.000			8.900				25.900	17.000			8.900						
5	Đường Tân Phú	UBND huyện Châu Thành	2020-2022	667/QĐ-UBND ngày 06/8/2020 của UBND huyện	34.728	16.550		15.000		1.550				16.550		15.000		1.550						
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Cao Lãnh</i>					40.000	0	40.000	0	0	0	0	0	40.000	0	40.000	0	0	0	0	0	0		
1	Đường bờ Bắc kênh Nguyễn Văn Tiếp	UBND huyện Cao Lãnh	2020-2024	556/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của UBND huyện	58.831	21.200		21.200						21.200		21.200								
2	Đường bờ Đông kênh Cái Bèo (đoạn qua xã Tân Hội Trung)	UBND huyện Cao Lãnh	2020-2022	509/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của UBND huyện	14.375	3.800		3.800						3.800		3.800								
3	Đường kênh 15	UBND huyện Cao Lãnh	2020-2022	517/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của UBND huyện	27.473	15.000		15.000						15.000		15.000								
*	<i>Khởi công mới trong GD 2021-2025</i>					6.544.144	168.300	1.366.971	0	128.873	4.135.000	745.000	0	0	6.544.144	168.300	1.366.971	0	128.873	4.135.000	745.000	0	0	
1	Xây dựng tuyến ĐT.857 (đoạn QL30 - ĐT.845)	Sở Xây dựng	2021-2025	1338/QĐ-UBND-HC ngày 07/09/2021 của UBND Tỉnh	2.179.790	1.590.989	0	351.363		39.626	1.200.000			1.590.989	0	351.363		39.626	1.200.000					
2	Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu, giai đoạn I (Dự án thành phần 1)	Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông	2023-2027	180/QĐ-UBND.HC ngày 13/02/2023 của UBND Tỉnh	3.640.000	2.155.800					1.410.800	745.000		2.155.800				1.410.800	745.000					
3	Mở rộng đường ĐT.849 đoạn từ ĐT.848 đến Quốc lộ 80	Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông	2021-2023	969/QĐ-UBND-HC ngày 21/09/2023 của UBND Tỉnh	96.915	88.280		88.280						88.280		88.280								
4	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.842	Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông	2021-2024	676/QĐ-UBND-HC ngày 28/06/2022 của UBND Tỉnh	245.000	220.000	20.000				200.000			220.000	20.000				200.000					
5	Đường ĐT.845 đoạn Trường Xuân - Tân Phước	Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông	2021-2024	647/QĐ-UBND.HC ngày 28/5/2021 của UBND Tỉnh	991.810	880.000	0				880.000			880.000	0				880.000					
6	Nâng cấp hệ cầu trên đường ĐT.844 (đoạn Trầm Chim - Trường Xuân)	Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông	2022-2025	646/QĐ-UBND-HC ngày 28/5/2021; 1042/QĐ-UBND-HC ngày 01/11/2024 của UBND Tỉnh	341.465	307.000		12.800			294.200			307.000		12.800			294.200					

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025										Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)										Ghi chú (Vốn bổ tri lại do dự toán thu chưa đạt)
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:							Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:											
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT- XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024		Vốn ngoài nước (ODA)	Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT- XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)			
7	Nâng cấp mở rộng tuyến ĐT.855 đoạn TT Tràm Chim - Hòa Bình	Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông	2022-2024	218/QĐ-UBND- HC ngày 14/3/2022 của UBND Tỉnh	165.403	150.000					150.000			150.000					150.000							
8	Xây dựng Bến phà An Phong - Tân Bình và tuyến đường kết nối	Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông	2024-2025	199/QĐ-UBND- HC ngày 22/02/2023 của UBND Tỉnh	199.552	127.300	127.300							127.300	127.300											
9	Xây dựng cầu Tân Thành B tuyến ĐT.843	Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông	2021-2023	1356/QĐ-UBND- HC ngày 08/12/2022 của UBND Tỉnh	30.143	29.600		29.600						29.600		29.600										
10	Nâng cấp tái trọng cầu Tràm Chim trên đường ĐT.843, huyện Tam Nông	Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông	2022-2022	251/QĐ-UBNDHC ngày 21/3/2022 của UBND Tỉnh	5.170	4.000		4.000						4.000		4.000										
11	Tuyến đường D-01 nối từ cụm công nghiệp Quảng Khánh đến Quốc lộ 30 tuyến tránh thành phố Cao Lãnh	Ban QL Khu kinh tế ĐT	2022-2023	404/QĐ- UBND.HC ngày 25/4/2022 của UBND Tỉnh	12.632	11.000		3.220		7.780				11.000		3.220		7.780								
12	Xây dựng cầu Phú Hiệp và cầu Cà Dàm, huyện Tam Nông	Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông	2022-2024	1326/QĐ-UBND- HC ngày 22/12/2023 của UBND Tỉnh	115.711	104.000		104.000						104.000		104.000										
	* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Châu Thành					79.500	21.000	39.810	0	18.690	0	0	0	79.500	21.000	39.810	0	18.690	0	0	0	0				
1	Đường cấp rạch Cà Ngổ (bên phải) đến Rạch Chùa	UBND huyện Châu Thành	2022-2022	497/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND huyện	9.575	8.000				8.000				8.000				8.000								
2	Nâng cấp đường huyện đoạn từ Cái Tàu Hạ đến Xẻo Mát (nhánh tuyến ĐT 854 cũ)	UBND huyện Châu Thành	2021-2023	1006/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của UBND huyện	71.917	31.000	21.000	4.810		5.190				31.000	21.000	4.810		5.190								
3	Đường Sòng tiền (đoạn từ cầu Hội Xuân đến Vàm Hội Xuân, xã An Hiệp)	UBND huyện Châu Thành	2021-2022	1313/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND Huyện	14.412	11.500		6.000		5.500				11.500		6.000		5.500								
4	Đường nối ĐT.853 mới - ĐT.853 cũ - Gò Đền (từ cầu Bình Tiên - cầu ngang Chợ Phú Long)	UBND huyện Châu Thành	2023-2025	532/QĐ-UBND ngày 14/06/2022 của UBND Huyện	66.466	18.000		18.000						18.000		18.000										
5	Đường Mù U - Rau Cắn	UBND huyện Châu Thành	2022-2023	1784/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND huyện	25.265	11.000		11.000						11.000		11.000										
	* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Cao Lãnh					51.658	0	51.658	0	0	0	0	0	51.658	0	51.658	0	0	0	0	0	0				
1	Hệ thống cầu đường bờ Đông kênh Cái Bèo	UBND huyện Cao Lãnh	2021-2023	848/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND Huyện	7.776	7.700		7.700						7.700		7.700										
2	Đường bờ Bắc kênh Nguyễn Văn Tiếp	UBND huyện Cao Lãnh	2020-2024	668/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND huyện	58.831	10.300		10.300						10.300		10.300										
3	Hệ thống cầu đường Bờ bắc kênh Nguyễn Văn Tiếp	UBND huyện Cao Lãnh	2021-2024	750/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND Huyện	20.690	13.918		13.918						13.918		13.918										
4	Cầu Xẻo Quýt, xã Tân Hội Trung	UBND huyện Cao Lãnh	2024-2025	298/QĐ-UBND ngày 31/5/2023 của UBND huyện	22.879	19.740	0	19.740						19.740	0	19.740										
	* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Lai Vung					127.000	0	108.000	0	19.000	0	0	0	127.000	0	108.000	0	19.000	0	0	0	0				
1	Đường huyện lộ Phan Văn Bảy	UBND huyện Lai Vung	2021-2024	76/QĐ-UBND- XDCB ngày 26/3/2021 của UBND Huyện	82.715	44.000		44.000						44.000		44.000										

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)								Ghi chú (Vốn bổ trị lại do dự toán thư chưa đạt)		
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:							Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:									
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024		Vốn ngoài nước (ODA)	Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH		Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)
2	Đường huyện lộ số 5	UBND huyện Lai Vung	2021-2024	77/QĐ-UBND-XDCB ngày 26/3/2021 của UBND Huyện	81.115	46.000		46.000						46.000		46.000								
3	Đường Huyện lộ số 3	UBND huyện Lai Vung	2022-2023	365/QĐ-UBND-XDCB ngày 05/11/2021 của UBND huyện	68.797	37.000		18.000		19.000				37.000		18.000		19.000						
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Thanh Bình</i>					90.000	0	90.000	0	0	0	0	0	90.000	0	90.000	0	0	0	0	0	0	0	
1	Đường kênh 2/9	UBND huyện Thanh Bình	2022-2024	197/QĐ-UBND.HC ngày 04/7/2022 của UBND huyện	134.672	63.580		63.580						63.580		63.580								
2	Đường Kháng Chiến, bờ nam	UBND huyện Thanh Bình	2021-2023	383/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 của UBND Huyện	23.760	15.670		15.670						15.670		15.670								
3	Đường Tân Thanh - Phú Lợi	UBND huyện Thanh Bình	2021-2023	435/QĐ-UBND.HC ngày 24/11/2023 của UBND Huyện	14.951	10.750		10.750						10.750		10.750								
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho thành phố Sa Đéc</i>					38.000	0	38.000	0	0	0	0	0	38.000	0	38.000	0	0	0	0	0	0	0	
1	Đường ĐT 853 cũ đoạn qua thành phố Sa Đéc	UBND thành phố Sa Đéc	2021-2021	373/QĐ-UBND-XDCB ngày 27/11/2020 của UBND TPSPĐ	13.063	8.000		8.000						8.000		8.000								
2	Đường T3. Hạ tầng thủy sản (đoạn từ tỉnh lộ ĐT848 đến sông Tiền)	UBND thành phố Sa Đéc	2021-2023	412/QĐ-UBND-XDCB ngày 30/12/2020 của UBND TPSPĐ	65.167	30.000		30.000						30.000		30.000								
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Lấp Vò</i>					129.433	0	99.433	0	30.000	0	0	0	129.433	0	99.433	0	30.000	0	0	0	0	0	
1	Đường ĐH.66 (từ cầu Đình Định Yên đến giao QL.80, xã Vĩnh Thạnh)	UBND huyện Lấp Vò	2022-2023	177/QĐ-UBND-HC ngày 25/01/2022 của UBND huyện	59.585	33.256		3.256		30.000				33.256		3.256		30.000						
2	Đường ĐH.67 (đoạn từ giao đường ĐH.65 đến giao đường ĐH.67B)	UBND huyện Lấp Vò	2023-2023	298/QĐ-UBND-HC ngày 13/4/2022 của UBND huyện	40.239	24.433		24.433						24.433		24.433								
3	Đường ĐH.64	UBND huyện Lấp Vò	2021-2023	724/QĐ-UBND.HC ngày 24/3/2021 của UBND Huyện	48.614	10.000		10.000						10.000		10.000								
4	Đường ĐH.65	UBND huyện Lấp Vò	2021-2023	723/QĐ-UBND.HC ngày 24/3/2021 của UBND Huyện	76.068	51.744		51.744						51.744		51.744								
5	Đường ĐH.67B	UBND huyện Lấp Vò	2021-2022	725/QĐ-UBND.HC ngày 24/3/2021 của UBND Huyện	10.248	10.000		10.000						10.000		10.000								
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Tân Hồng</i>					109.000	0	109.000	0	0	0	0	0	109.000	0	109.000	0	0	0	0	0	0	0	
1	ĐH Bắc Trang	UBND huyện Tân Hồng	2021-2023	321/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 28/12/2020 của UBND Huyện	36.542	28.000		28.000						28.000		28.000								
2	ĐH Tân Thành Đông đoạn từ cầu Chối Mối đến cầu Bàu Lức	UBND huyện Tân Hồng	2021-2023	287/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 28/12/2020 của UBND Huyện	14.959	14.000		14.000						14.000		14.000								

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)								Ghi chú (Vốn bổ tri lại do dự toán thu chưa đạt)		
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:							Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:									
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT- XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024		Vốn ngoài nước (ODA)	Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT- XH		Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)
3	ĐH Tứ Tân đoạn ĐH Tân Thành B - Tân Phước đến ĐH Tân Thành Tây	UBND huyện Tân Hồng	2021-2022	322/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 28/12/2020 của UBND Huyện	14.980	12.000		12.000						12.000		12.000								
4	ĐH Việc Thuộc	UBND huyện Tân Hồng	2021-2022	324/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 28/12/2020 của UBND Huyện	34.319	4.000		4.000						4.000		4.000								
5	Đường Tân Thành (Long Sơn Ngọc - Biên Giới)	UBND huyện Tân Hồng	2021-2023	286/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 28/12/2020 của UBND Huyện	40.543	28.000		28.000						28.000		28.000								
6	Đường Thống Nhất (đoạn từ kênh Hồng Ngự Vĩnh Hưng đến Quốc lộ 30)	UBND huyện Tân Hồng	2021-2023	323/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 28/12/2020 của UBND Huyện	33.155	23.000		23.000						23.000		23.000								
	* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Hồng Ngự					129.514	0	115.737	0	13.777	0	0	0	129.514	0	115.737	0	13.777	0	0	0	0		
1	ĐH. Long Khánh A-B	UBND huyện Hồng Ngự	2023-2024	13362/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND Huyện	74.709	10.000		10.000						10.000		10.000								
2	ĐH Phú Thuận A	UBND huyện Hồng Ngự	2021-2023	6680/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND huyện	68.334	62.514		48.737		13.777				62.514		48.737		13.777						
3	ĐH. Long Thuận	UBND huyện Hồng Ngự	2022-2024	13357/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND Huyện	52.162	30.000		30.000						30.000		30.000								
4	ĐH. Long Phú Thuận A-B	UBND huyện Hồng Ngự	2023-2024	1324/QĐ-UBND ngày 29/03/2023 của UBND Huyện	79.523	27.000		27.000						27.000		27.000								
	* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Tam Nông					89.770	0	89.770	0	0	0	0	0	89.770	0	89.770	0	0	0	0	0	0		
1	Đường bờ Nam kênh Tân Công Sinh 1	UBND huyện Tam Nông	2022-2023	2148/QĐ-UBND- HC ngày 10/11/2021 của UBND huyện	36.925	27.270		27.270						27.270		27.270								
2	Cầu qua kênh An Bình	UBND huyện Tam Nông	2021-2022	1894/QĐ-UBND- HC ngày 24/12/2020 của UBND huyện	11.082	8.545		8.545						8.545		8.545								
3	Đường bờ Tây kênh Phú Đức	UBND huyện Tam Nông	2021-2023	1923/QĐ-UBND- HC ngày 28/12/2020 của UBND huyện	24.700	18.100		18.100						18.100		18.100								
4	Cầu qua kênh Mười Tài	UBND huyện Tam Nông	2021-2022	514/QĐ-UBND- HC ngày 22/3/2021 của UBND Huyện	7.043	4.727		4.727						4.727		4.727								
5	Cầu trên tuyến đường bờ Nam kênh Tân Công Sinh 1 (Cầu kênh ranh Tân Công Sinh - Phú cường và Cầu kênh 1000)	UBND huyện Tam Nông	2024-2024	601/QĐ-UBND- HC ngày 25/5/2023 của UBND huyện	10.152	8.000		8.000						8.000		8.000								
6	Đường bờ Đông kênh Mười Tài	UBND huyện Tam Nông	2023-2025	898/QĐ-UBND- HC ngày 30/6/2022 của UBND huyện	26.923	23.128		23.128						23.128		23.128								
	* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Tháp Mười					32.300	0	32.300	0	0	0	0	0	32.300	0	32.300	0	0	0	0	0	0		
1	Cầu kênh Nguyễn Văn Tiếp A (chợ Mỹ Quý)	UBND huyện Tháp Mười	2021-2023	6059/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND Huyện	51.453	25.000		25.000						25.000		25.000								
2	Cầu Trường Xuân - Vĩnh Bửu	UBND huyện Tháp Mười	2025-2025	6211/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của UBND Huyện	12.879	7.300		7.300						7.300		7.300								

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025										Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)										Ghi chú (Vốn bổ tri lại do dự toán thu chưa đạt)
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:								Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:										
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)			
*	Khởi công mới trong GD 2026-2030				15.100	0	15.100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
1	Hạ tầng giao thông đường bộ khu vực Nam sông Tiền, tỉnh Đồng Tháp	Sở Xây dựng		46/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của HĐND Tỉnh	2.936.000	15.100	0	15.100							0	0										
c	Khu công nghiệp và khu kinh tế				928.700	60.000	70.000	213.500	0	585.200	0	0	0	903.754	60.000	25.000	233.554	0	585.200	0	0	0	20.054			
*	Chuyển tiếp từ GD 2016-2020 sang GD 2021-2025				35.200	0	0	0	0	35.200	0	0	0	35.200	0	0	0	0	35.200	0	0	0	0			
1	Hạ tầng khu công nghiệp Tân Kiều, huyện Tháp Mười	Ban QL Khu kinh tế ĐT	2016-2023	1634/QĐ-UBND-HC ngày 28/10/2021 của UBND Tỉnh	1.266.175	35.200				35.200				35.200					35.200							
*	Khởi công mới trong GD 2021-2025				893.500	60.000	70.000	213.500	0	550.000	0	0	0	868.554	60.000	25.000	233.554	0	550.000	0	0	0	20.054			
1	Hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp (giai đoạn 3)	Ban QL Khu kinh tế ĐT	2022-2026	349/QĐ-UBND-HC ngày 12/04/2022 của UBND Tỉnh	393.116	210.000	60.000			150.000				210.000	60.000				150.000							
2	Cụm công nghiệp Quảng Khánh (Giai đoạn 1)	TT Đầu tư và Khai thác hạ tầng - Ban QL KKT ĐT	2022-2025	1374/QĐ-UBND-HC ngày 14/12/2022 của UBND Tỉnh	216.978	213.500		213.500						233.554			233.554					20.054				
3	Đầu tư xây dựng hạ tầng cửa khẩu quốc tế Thường Phước và cửa khẩu Mộc Rá thuộc Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp	Ban QL Khu kinh tế ĐT	2025-2028	199/QĐ-UBND-HC ngày 11/3/2025 của UBND Tỉnh	778.616	470.000		70.000		400.000				400.000				400.000								
	* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Tháp Mười					0	0	0	0	0	0	0	0	25.000	0	25.000	0	0	0	0	0	0				
1	Hạ tầng Cụm công nghiệp - dịch vụ Thương mại Trường Xuân	UBND huyện Tháp Mười	2025-2026	4566/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND Huyện	57.062	0								25.000		25.000										
d	Du lịch				7.178	4.500	0	0	2.678	0	0	0	0	7.178	4.500	0	0	2.678	0	0	0	0				
*	Chuyển tiếp từ GD 2016-2020 sang GD 2021-2025				7.178	4.500	0	0	2.678	0	0	0	0	7.178	4.500	0	0	2.678	0	0	0	0				
1	Hạ tầng phát triển du lịch sinh thái bền vững Vườn quốc gia Tràm Chim, giai đoạn 2016-2020	Vườn Quốc gia Tràm Chim	2018-2021	955/QĐ-UBND-HC ngày 16/07/2021 của UBND Tỉnh	51.106	2.678			2.678					2.678				2.678								
2	Hạ tầng khu du lịch Xẻo Quýt (giai đoạn 2)	Sở VH TT&DL	2020-2021	1551/QĐ-UBND.HC ngày 13/12/2019 của UBND Tỉnh	16.664	4.500	4.500							4.500	4.500											
d	Công nghệ thông tin				261.633	125.333	86.300	0	0	50.000	0	0	0	278.180	125.333	102.847	0	0	50.000	0	0	0				
*	Khởi công mới trong GD 2021-2025				261.633	125.333	86.300	0	0	50.000	0	0	0	278.180	125.333	102.847	0	0	50.000	0	0	0				
1	Nâng cấp Hệ thống hạ tầng phục vụ Chính quyền số và an toàn thông tin mạng tỉnh Đồng Tháp	Sở Khoa học và Công nghệ	2022-2024	1849/QĐ-UBND-HC ngày 06/12/2021 của UBND Tỉnh	55.533	50.000				50.000				50.000				50.000								
2	Công dịch vụ công và điều hành tác nghiệp nội bộ tỉnh Đồng Tháp	Sở Khoa học và Công nghệ	2021-2023	931/QĐ-UBND-HC ngày 14/7/2021 của UBND Tỉnh	20.079	18.000	18.000							18.000	18.000											
3	Hệ thống thông tin ngành Thông tin và Truyền thông	Sở Khoa học và Công nghệ	2021-2022	1407/QĐ-UBND-HC ngày 15/09/2021 của UBND Tỉnh	5.618	5.600	5.600							5.600	5.600											

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)								Ghi chú (Vốn bổ tri lại do dự toán thu chưa đạt)	
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:							Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:								
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024		Vốn ngoài nước (ODA)	Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH		Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024
4	Triển khai Trung tâm điều hành thông minh (IOC)	Sở Khoa học và Công nghệ	2021-2023	1345/QĐ-UBND-HC ngày 06/12/2022 của UBND Tỉnh	24.119	21.100	21.100							21.100	21.100								
5	Xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu GIS phục vụ quản lý cơ sở hạ tầng giai đoạn 1, trên địa bàn huyện Cao Lãnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2021-2023	997/QĐ-UBND-HC ngày 23/07/2021 của UBND Tỉnh	15.809	14.200	14.200							14.200	14.200								
6	Xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu GIS phục vụ quản lý cơ sở hạ tầng giai đoạn 1, trên địa bàn huyện Lấp Vò	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2021-2023	1020/QĐ-UBND-HC ngày 26/07/2021 của UBND Tỉnh	13.528	12.300	12.300							12.300	12.300								
7	Xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu GIS, phục vụ quản lý cơ sở hạ tầng giai đoạn 1, trên địa bàn huyện Lai Vung	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2021-2023	1019/QĐ-UBND-HC ngày 26/07/2021 của UBND Tỉnh	10.135	9.533	9.533							9.533	9.533								
8	Xây dựng Hệ thống quản lý quy hoạch hạ tầng đô thị	Sở Xây dựng	2024-2024	1121/QĐ-UBND-HC ngày 14/10/2022 của UBND Tỉnh	29.150	26.400	26.400							26.400	26.400								
9	Hệ thống nền tảng nông nghiệp số	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2024-2025	160/QĐ-UBND.HC ngày 28/02/2024 của UBND Tỉnh	20.181	18.200	18.200							18.200	18.200								
10	Hệ thống thông tin ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở VH,TT&DL	2025-2025	738/QĐ-UBND.HC ngày 30/8/2024 của UBND Tỉnh	4.000	4.000		4.000						3.147		3.147							
11	Hệ thống thông tin ngành giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	2025-2025	1108/QĐ-UBND-HC ngày 20/11/2024 của UBND Tỉnh	9.759	9.700		9.700						9.700		9.700							
12	Thiết bị phòng chức năng phục vụ dạy học STEM/STEAM	Sở Giáo dục và Đào tạo	2025-2025	1315/QĐ-UBND-HC ngày 31/12/2024 của UBND Tỉnh	28.112	0								25.300		25.300							
13	Triển khai bệnh án điện tử cho các Bệnh viện Đa khoa khu vực	Sở Y tế	2025-2025	1135/QĐ-UBND-HC ngày 27/11/2024 của UBND Tỉnh	9.500	7.900		7.900						0									
14	Xây dựng hệ thống thông tin điều hành y tế thông minh ngành Y tế	Sở Y tế	2025-2025	1136/QĐ-UBND-HC ngày 27/11/2024 của UBND Tỉnh	28.080	22.700		22.700						22.700		22.700							
15	Triển khai xây dựng mô hình bệnh viện thông minh	Sở Y tế	2025-2025	1155/QĐ-UBND-HC ngày 01/12/2024 của UBND Tỉnh	20.505	17.000		17.000						17.000		17.000							
16	Hệ thống camera giám sát giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Công an Tỉnh	2025-2025	1019/QĐ-UBND.HC ngày 28/10/2024 của UBND Tỉnh	27.672	25.000		25.000						25.000		25.000							
e	Quy hoạch					51.067	51.067	0	0	0	0	0	0	51.067	51.067	0	0	0	0	0	0	0	0
*	Khởi công mới trong GD 2021-2025					51.067	51.067	0	0	0	0	0	0	51.067	51.067	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Tài chính	2021-2024	66/QĐ-UBND-HC ngày 18/01/2021 của UBND Tỉnh	62.372	51.067	51.067							51.067	51.067								
g	Công trình công cộng tại các đô thị					3.343.711	766.392	1.070.365	506.165	1.000.789	0	0	0	3.551.987	766.392	1.070.365	527.173	1.188.057	0	0	0	0	208.276
*	Khởi công mới trong GD 2021-2025					3.343.711	766.392	1.070.365	506.165	1.000.789	0	0	0	3.551.987	766.392	1.070.365	527.173	1.188.057	0	0	0	0	208.276

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)										Ghi chú (Vốn bổ trí lại do dự toán thu chưa đạt)
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:							Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:									
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT- XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024		Vốn ngoài nước (ODA)	Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT- XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)	
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho thành phố Cao Lãnh</i>					750.000	0	300.000	179.276	270.724	0	0	0	0	824.276	0	300.000	187.552	336.724	0	0	0	0	74.276
1	Nâng cấp và mở rộng đường Phạm Hữu Lầu (cầu Cái Tôm đến đường Thiên Hộ Dương)	UBND thành phố Cao Lãnh	2023-2024	32/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND TPCL	133.577	110.000		50.000	25.000	35.000					110.180		50.000	25.180	35.000					180
2	Đường ĐT 846 nối dài (đoạn từ cầu Ông Thơ- đường Trần Bá Lê) và cầu Ông Thơ (xã Mỹ Tân – xã Hòa An), xã Hòa An- Mỹ Tân, TPCL	UBND thành phố Cao Lãnh	2024-2025	162/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND TPCL	217.508	185.000			154.276	30.724					259.096			162.372	96.724					74.096
3	Đường công Hồ Chúa Cang qua bến đò Mỹ An Hưng B	UBND thành phố Cao Lãnh	2025-2026	228/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND TPCL	103.352	70.000				70.000					70.000				70.000					
4	Đường Nguyễn Văn Tre (đoạn từ đường N15 - đường Vành Đai Tây)	UBND thành phố Cao Lãnh	2025-2026	229/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND TPCL	148.152	135.000				135.000					135.000				135.000					
5	Đường Nguyễn Thị Lưu (đoạn KDC Phường 4 Hòa An - sông Hồ Cừ)	UBND thành phố Cao Lãnh	2022-2024	654/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND TPCL	147.164	128.000		128.000							128.000		128.000							
6	Đường Vành Đai Tây (đoạn đường ĐT846 - KDC Phường 4 Hòa An)	UBND thành phố Cao Lãnh	2024-2024	653/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND TPCL	195.705	100.000		100.000							100.000		100.000							
7	Đường Nguyễn Văn Tre (đoạn đường Nguyễn Thái Học - đường Thiên Hộ Dương)	UBND thành phố Cao Lãnh	2022-2024	2498/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND TPCL	263.173	22.000		22.000							22.000		22.000							
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho thành phố Sa Đéc</i>					625.000	50.000	230.833	67.889	276.278	0	0	0	0	650.000	50.000	230.833	65.521	303.646	0	0	0	0	25.000
1	Đường song song đường hoa Sa Đéc (Sa Nhiên – Cai Dao)	UBND thành phố Sa Đéc	2024-2025	288/QĐ-UBND- XDCB ngày 22/12/2023 của UBND TPSPĐ	225.670	150.000		80.833	67.889	1.278					175.000		80.833	65.521	28.646					25.000
2	Đường ĐT.852B – giai đoạn 2 (từ ĐT.848 hiện hữu đến nút giao thông đường vành đai ĐT.848)	UBND thành phố Sa Đéc	2025-2025	159/QĐ-UBND- XDCB ngày 04/11/2024 của UBND TPSPĐ	543.911	250.000				250.000					250.000			250.000						
3	Đầu tư dự án Xử lý sụt lún mặt đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Nguyễn Du đến đường Hoàng Diệu) và kết hợp chỉnh trang đô thị	UBND thành phố Sa Đéc	2022-2024	42/QĐ-UBND- XDCB ngày 07/4/2022 của UBND TPSPĐ	84.762	25.000				25.000					25.000				25.000					
4	Cầu và Đường Nguyễn Tất Thành nối dài	UBND thành phố Sa Đéc	2021-2023	374/QĐ-UBND- XDCB ngày 27/11/2020 của UBND TPSPĐ	108.358	50.000	50.000								50.000	50.000								
5	Đường N7 (đoạn từ Đường Hoa Sa Đéc đến ĐT 848)	UBND thành phố Sa Đéc	2022-2024	240/QĐ-UBND- XDCB ngày 05/12/2022 của UBND TPSPĐ	152.094	90.000		90.000							90.000		90.000							
6	Đường D2 (đoạn từ đường Nguyễn Sinh Sắc – Đào Duy Từ)	UBND thành phố Sa Đéc	2023-2024	213/QĐ-UBND- XDCB ngày 04/11/2022 của UBND TPSPĐ	337.043	60.000		60.000							60.000		60.000							
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho thành phố Hồng Ngự</i>					880.000	137.000	69.113	259.000	414.887	0	0	0	0	989.000	137.000	69.113	274.100	508.787	0	0	0	0	109.000
1	Đường kết nối cụm công nghiệp	UBND thành phố Hồng Ngự	2024-2025	1194/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND TPHN	72.851	50.000		18.000	32.000						53.500		21.500	32.000						3.500
2	Đường Võ Nguyên Giáp, phường An Lộc	UBND thành phố Hồng Ngự	2023-2024	1193/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND TPHN	61.535	40.000		1.696		38.304					40.000		1.696		38.304					

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025										Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)										Ghi chú (Vốn bổ tri lại do dự toán thu chưa đạt)
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:								Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:										
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)			
3	Chỉnh trang đô thị và cải thiện môi trường Tuyến dân cư Mường Nhà Mấy	UBND thành phố Hồng Ngự	2024-2026	2831/QĐ-UBND ngày 28/11/2023 của UBND TPHN	846.371	380.000		24.417	146.000	209.583				472.100		24.417	184.200	263.483						92.100		
4	Đường ra biên giới, xã Tân Hội	UBND thành phố Hồng Ngự	2024-2025	2904/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND TPHN	221.168	50.000			50.000					60.000			20.000	40.000						10.000		
5	Đường Nguyễn Tất Thành, phường An Lộc	UBND thành phố Hồng Ngự	2023-2024	1195/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND TPHN	176.869	100.000			15.000	85.000				101.400			16.400	85.000						1.400		
6	Hạ tầng nông nghiệp đô thị	UBND thành phố Hồng Ngự	2024-2026	1586/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của UBND TPHN	130.177	80.000			30.000	50.000				82.000			32.000	50.000						2.000		
7	Hạ tầng khu đô thị Bắc An Thành	UBND thành phố Hồng Ngự	2021-2024	2905/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND TPHN	215.740	100.000	87.000	13.000						100.000	87.000	13.000										
8	Đường Lê Quý Đôn, đường Tô Hữu, đường Xuân Diệu, đường Phan Văn Cai	UBND thành phố Hồng Ngự	2021-2022	1089/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND TPHN	13.749	10.000	10.000							10.000	10.000											
9	Đường Nguyễn Văn Linh (từ Trần Hưng Đạo đến Lê Duẩn) và đường Võ Văn Kiệt (Nguyễn Huệ đến Bờ kè)	UBND thành phố Hồng Ngự	2021-2022	1090/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND TPHN	14.149	10.000	10.000							10.000	10.000											
10	Đường Nguyễn Văn Phán, đường Nguyễn Quang Diệu, đường Nguyễn Bình Khiêm	UBND thành phố Hồng Ngự	2021-2022	1088/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND TPHN	11.580	10.000	10.000							10.000	10.000											
11	Chỉnh trang đô thị khu đô thị An Thạnh	UBND thành phố Hồng Ngự	2021-2024	1585/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của UBND TPHN	51.781	27.000	20.000	7.000						27.000	20.000	7.000										
12	Cầu Trần Hưng Đạo (bắc qua Mường Nhà Mấy)	UBND thành phố Hồng Ngự	2024-2025	796/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của UBND TPHN	83.049	23.000		23.000						23.000		23.000										
	* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Cao Lãnh					102.129	55.629	46.500	0	0	0	0	0	102.129	55.629	46.500	0	0	0	0	0	0	0			
1	Trục đường vào khu đô thị mới đường Thông Linh	UBND huyện Cao Lãnh	2022-2023	529/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của UBND huyện	11.968	6.522	6.522							6.522	6.522											
2	Bờ kè hoa viên cấp QL30 (cấp sông Xóm Giồng)	UBND huyện Cao Lãnh	2022-2024	509/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND huyện	64.336	31.500	31.500							31.500	31.500											
3	Trục đường từ khu TĐC TT Mỹ Thọ đến đường Nguyễn Minh Trí	UBND huyện Cao Lãnh	2025-2026	317/QĐ-UBND ngày 07/6/2024 của UBND Huyện	38.898	20.500	0	20.500						20.500	0	20.500										
4	Hoàn thiện mặt đường nội ô thị trấn Mỹ Thọ	UBND huyện Cao Lãnh	2022-2023	807/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND Huyện	14.572	13.607	13.607							13.607	13.607											
5	Đường trục chính số 4, khóm Mỹ Phú Đất Liền	UBND huyện Cao Lãnh	2024-2025	125/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 của UBND huyện	50.530	30.000	4.000	26.000						30.000	4.000	26.000										
	* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Tháp Mười					130.000	92.000	38.000	0	0	0	0	0	130.000	92.000	38.000	0	0	0	0	0	0	0			
1	Khu đô thị Bắc Mỹ An	UBND huyện Tháp Mười	2022-2025	8894/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện	190.648	58.000	20.000	38.000						58.000	20.000	38.000										
2	Cầu kênh Nguyễn Văn Tiếp A	UBND huyện Tháp Mười	2021-2024	8075/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 của UBND huyện	84.108	62.000	62.000							62.000	62.000											
3	Chỉnh trang, nâng cấp đầu voi chợ Trường Xuân theo quy hoạch	UBND huyện Tháp Mười	2021-2023	5359/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND huyện	14.196	10.000	10.000							10.000	10.000											
	* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Thanh Bình					100.000	33.551	66.449	0	0	0	0	0	100.000	33.551	66.449	0	0	0	0	0	0	0			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025										Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)										Ghi chú (Vốn bổ tri lại do dự toán thu chưa đạt)
						Trong đó:								Trong đó:												
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)	Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)			
1	Đường khu thương mại (Đ5 công chính và Đ9 công phụ Bệnh viện)	UBND huyện Thanh Bình	2021-2022	126/QĐ-UBND.HC ngày 30/3/2021 của UBND huyện	5.230	3.000	3.000								3.000	3.000										
2	Đường trục Đ-03 (rạch Đốc Văng Hạ - Võ Văn Kiệt)	UBND huyện Thanh Bình	2023-2024	07/QĐ-UBND HC ngày 13/01/2023 của UBND huyện	182.903	63.000	26.551	36.449							63.000	26.551	36.449									
3	Đường trục Đ-05 (từ Quốc lộ 30 đến đường Nguyễn Văn Biểu)	UBND huyện Thanh Bình	2024-2024	195/QĐ-UBND- HC ngày 30/06/2022 của UBND huyện	68.854	34.000	4.000	30.000							34.000	4.000	30.000									
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Châu Thành</i>					128.000	100.000	0	0	28.000	0	0	0	0	128.000	100.000	0	0	28.000	0	0	0	0			
1	Cải tạo và nâng cấp đường Nguyễn Văn Voi	UBND huyện Châu Thành	2022-2023	1997/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện	28.567	28.000				28.000					28.000				28.000							
2	Đường Vành đai phía Nam (Đoạn từ Khu dân cư Cái Tàu Hạ đến Tân Nhuận Đông)	UBND huyện Châu Thành	2023-2025	464/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của UBND huyện	230.022	100.000	100.000								100.000	100.000										
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Tân Hồng</i>					136.582	67.211	58.471	0	10.900	0	0	0	0	136.582	67.211	58.471	0	10.900	0	0	0	0			
1	Nâng cấp hệ thống giao thông thoát nước chống ngập úng thị trấn Sa Rài (Giai đoạn 2)	UBND huyện Tân Hồng	2021-2023	284/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 27/8/2020 của UBND huyện	59.576	18.000	18.000								18.000	18.000										
2	Nâng cấp mở rộng đường Lê Lợi (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Trần Văn Thê)	UBND huyện Tân Hồng	2023-2024	134/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 23/6/2022 của UBND huyện	138.232	100.000	49.211	50.789							100.000	49.211	50.789									
3	Đường Ngô Quyền (đoạn từ Trần Phú đến mương tiêu dề bao phía Nam)	UBND huyện Tân Hồng	2022-2023	273/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 15/12/2022 của UBND huyện	5.752	5.600		2.800		2.800					5.600		2.800		2.800							
4	Đường Võ Thị Sáu (đoạn từ đường Nguyễn Văn Tiếp đến hàng rào Công an Huyện)	UBND huyện Tân Hồng	2022-2023	84/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 22/4/2021 của UBND huyện	8.902	7.491		2.891		4.600					7.491		2.891		4.600							
5	Đường Phan Bội Châu (đoạn từ đường 502 đến dề bao phía Nam)	UBND huyện Tân Hồng	2022-2023	83/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 22/4/2021 của UBND huyện	5.838	5.491		1.991		3.500					5.491		1.991		3.500							
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Tam Nông</i>					122.000	96.366	25.634	0	0	0	0	0	0	122.000	96.366	25.634	0	0	0	0	0				
1	Cầu qua kênh Đường Gạo	UBND huyện Tam Nông	2023-2024	861/QĐ-UBND.HC ngày 27/6/2022 của UBND huyện	71.318	41.000	16.966	24.034							41.000	16.966	24.034									
2	Dự án Phát triển đô thị chợ An Long	UBND huyện Tam Nông	2023-2026	1431/QĐ-UBND- HC ngày 12/12/2023 của UBND huyện	137.154	10.000	8.400	1.600							10.000	8.400	1.600									
3	Cứng hoá đường bờ Bắc kênh Đồng Tiến	UBND huyện Tam Nông	2021-2022	1098/QĐ-UBND- HC ngày 06/8/2021 của UBND Huyện	8.407	3.350	3.350								3.350	3.350										
4	Cải tạo nâng cấp các tuyến đường còn lại cụm dân cư Ao Sen	UBND huyện Tam Nông	2021-2022	1757/QĐ-UBND- HC ngày 18/12/2020 của UBND Huyện	6.886	5.150	5.150								5.150	5.150										

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)								Ghi chú (Vốn bổ tri lại do dự toán thu chưa đạt)	
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:							Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:								
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024		Vốn ngoài nước (ODA)	Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH		Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024
5	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Sinh Sắc	UBND huyện Tam Nông	2021-2022	1754/QĐ-UBND-HC ngày 18/12/2020 của UBND Huyện	4.885	3.500	3.500							3.500	3.500								
6	Đường Trầm Chim nối dài (từ Tiếp giáp cầu qua kênh Hậu đến đường Đ-03) - Đường Đ-03 (từ đường Trầm Chim nối dài đến đường Đ-06)	UBND huyện Tam Nông	2022-2024	1232/QĐ-UBND-HC ngày 26/10/2023 của UBND huyện	21.238	15.000	15.000							15.000	15.000								
7	Đường Đ-09 (từ đường Trần Hưng Đạo (nay Võ Văn Kiệt) đến đường Đ-07 (dê bao biển đổi khí hậu))	UBND huyện Tam Nông	2023-2024	643/QĐ-UBND-HC ngày 02/6/2023 của UBND huyện	69.955	30.000	30.000							30.000	30.000								
8	Cầu qua kênh hậu thị trấn Trầm Chim (Đường Trầm Chim)	UBND huyện Tam Nông	2021-2023	1917/QĐ-UBND-HC ngày 30/9/2021 của UBND huyện	24.128	14.000	14.000							14.000	14.000								
	* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Hồng Ngự					100.000	95.635	4.365	0	0	0	0	0	100.000	95.635	4.365	0	0	0	0	0	0	
1	Đường Đ-07	UBND huyện Hồng Ngự	2022-2024	13006/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND huyện	31.481	25.000	25.000							25.000	25.000								
2	Đường ra bến phà Hồng Ngự - Tân Châu (Đ-01)	UBND huyện Hồng Ngự	2024-2024	2625/QĐ-UBND ngày 31/5/2022 của UBND Huyện	31.517	25.000	20.635	4.365						25.000	20.635	4.365							
3	Đường cấp chùa Phước Hưng (đoạn từ đường 30/4 đến đường Ngõ Quê)	UBND huyện Hồng Ngự	2024-2024	2184/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của UBND Huyện	32.642	20.000	20.000							20.000	20.000								
4	Cải tạo hạ tầng đô thị khu vực Chợ Thường Thới	UBND huyện Hồng Ngự	2021-2022	6134/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện	8.848	8.000	8.000							8.000	8.000								
5	Cải tạo hạ tầng đô thị Đường Nguyễn Văn Phớt	UBND huyện Hồng Ngự	2021-2022	6133/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện	5.855	5.000	5.000							5.000	5.000								
6	Cải tạo hạ tầng đô thị Khu hành chính huyện Hồng Ngự	UBND huyện Hồng Ngự	2023-2023	4467/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của UBND huyện	14.962	12.000	12.000							12.000	12.000								
7	Đường 30/4 (mở rộng)	UBND huyện Hồng Ngự	2023-2023	1531/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của UBND huyện	5.918	5.000	5.000							5.000	5.000								
	* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Lấp Vò					160.000	25.000	135.000	0	0	0	0	0	160.000	25.000	135.000	0	0	0	0	0	0	
1	Khu dân cư đường Đ05 (từ đường Đ10 đến đường ĐT 848)	UBND huyện Lấp Vò	2024-2024	888/QĐ-UBND.HC ngày 07/11/2022 của UBND Huyện	34.682	10.000	4.500	5.500						10.000	4.500	5.500							
2	Khu dân cư phía Nam trung tâm xã Tân Khánh Trung	UBND huyện Lấp Vò	2024-2026	749/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND Huyện	106.685	10.000		10.000						10.000		10.000							
3	Khu dân cư đường Đ13	UBND huyện Lấp Vò	2024-2026	750/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND Huyện	104.807	10.000	500	9.500						10.000	500	9.500							
4	Đường Đ07 (từ QL80 đến đường Vành Đai)	UBND huyện Lấp Vò	2025-2025	607/QĐ-UBND.HC ngày 04/11/2024 của UBND Huyện	10.535	10.000	0	10.000						10.000	0	10.000							
5	Trục đường chính đô thị khu dân cư phía nam (dân cư 02 bên)	UBND huyện Lấp Vò	2025-2025	683/QĐ-UBND.HC ngày 03/12/2024 của UBND Huyện	215.942	100.000	0	100.000						100.000	0	100.000							
6	Đường rạch Ngã cày (đoạn từ rạch Cái đầu đến vòng xoay Nguyễn Huệ)	UBND huyện Lấp Vò	2022-2024	556/QĐ-UBND.HC ngày 06/11/2023 của UBND huyện	30.740	20.000	20.000							20.000	20.000								

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)								Ghi chú (Vốn bổ tri lại do dự toán thu chưa đạt)	
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:							Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:								
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024		Vốn ngoài nước (ODA)	Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH		Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Lai Vung</i>					110.000	14.000	96.000	0	0	0	0	0	110.000	14.000	96.000	0	0	0	0	0	0	
1	Thăm bệ tổng nhựa nông Khu hành chính và Cụm dân cư thị trấn Lai Vung	UBND huyện Lai Vung	2023-2024	142/QĐ-UBND-XDCB ngày 06/6/2023 của UBND huyện	14.302	14.000	14.000							14.000	14.000								
2	Đường D-02 (từ QL 80 đến đường huyện lộ Phan Văn Bảy)	UBND huyện Lai Vung	2025-2025	305/QĐ-UBND-XDCB ngày 15/11/2024 của UBND Huyện	144.691	86.000	0	86.000						86.000	0	86.000							
3	Đường D5 (từ đường N9 đến ĐT851)	UBND huyện Lai Vung	2025-2025	320/QĐ-UBND-XDCB ngày 15/11/2024 của UBND Huyện	28.308	10.000	0	10.000						10.000	0	10.000							
h	<i>Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>					57.000	17.000	0	0	0	40.000	0	0	57.000	17.000	0	0	0	40.000	0	0	0	0
*	<i>Khởi công mới trong GD 2021-2025</i>					57.000	17.000	0	0	0	40.000	0	0	57.000	17.000	0	0	0	40.000	0	0	0	0
1	Xây dựng Không gian Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo tỉnh Đồng Tháp	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN	2024-2025	317/QĐ-UBND-HC ngày 17/4/2024 của UBND Tỉnh	62.951	57.000	17.000				40.000			57.000	17.000				40.000				
11	Hoạt động của các cơ quan QLNN, đơn vị SN công lập, tổ chức chính trị và tổ chức CT - XH					225.893	225.893	0	0	0	0	0	0	225.893	225.893	0	0	0	0	0	0	0	0
*	<i>Chuyển tiếp từ GD 2016-2020 sang GD 2021-2025</i>					46.400	46.400	0	0	0	0	0	0	46.400	46.400	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Trung tâm Hành chính công và hỗ trợ sở các đơn vị sự nghiệp tỉnh Đồng Tháp	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN	2019-2021	845/QĐ-UBND-HC ngày 02/7/2021 của UBND Tỉnh	149.287	46.400	46.400							46.400	46.400								
*	<i>Khởi công mới trong GD 2021-2025</i>					179.493	179.493	0	0	0	0	0	0	179.493	179.493	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Cải tạo trụ sở làm việc Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	2021-2022	1468/QĐ-UBND-HC ngày 28/9/2021 của UBND Tỉnh	7.095	6.470	6.470							6.470	6.470								
2	Kho lưu trữ, nhà xe, nhà Đội cảnh vệ thuộc Văn phòng UBND Tỉnh	Văn phòng UBND Tỉnh	2021-2022	651/QĐ-UBND-HC ngày 31/05/2021 của UBND Tỉnh	14.294	10.050	10.050							10.050	10.050								
3	Trụ sở Cục Quản lý thị trường Tỉnh (NS Tỉnh đối ứng đến bù, GPMB)	TT Phát triển Quý đất - Sở NN&MT	2021-2023	1094/QĐ-BCT ngày 06/6/2022 của Bộ Công Thương	25.486	3.573	3.573							3.573	3.573								
4	Kho lưu trữ, thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2021-2022	62/QĐ-UBND.HC ngày 12/01/2023 của UBND Tỉnh	15.860	14.200	14.200							14.200	14.200								
5	Xây dựng nhà ăn, hội trường và sửa chữa Trụ sở Huyện ủy Lai Vung	UBND huyện Lai Vung	2021-2023	785/QĐ-UBND-HC ngày 22/06/2021 của UBND Tỉnh	25.163	22.600	22.600							22.600	22.600								
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Hồng Ngự</i>					10.000	10.000	0	0	0	0	0	0	10.000	10.000	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Trụ sở UBND xã Phú Thuận A	UBND huyện Hồng Ngự	2021-2022	6025/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND huyện	7.819	5.000	5.000							5.000	5.000								
2	Trụ sở UBND xã Thường Phước 2	UBND huyện Hồng Ngự	2021-2022	6150/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện	8.267	5.000	5.000							5.000	5.000								
	<i>* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Tam Nông</i>					16.800	16.800	0	0	0	0	0	0	16.800	16.800	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)										Ghi chú (Vốn bổ trị lại do dự toán thu chưa đạt)
						Tổng số (vốn Tinh quản lý và phân bổ)	Trong đó:							Tổng số (vốn Tinh quản lý và phân bổ)	Trong đó:									
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNĐP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024		Vốn ngoài nước (ODA)	Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNĐP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024	Vốn ngoài nước (ODA)	
1	Trụ sở UBND xã An Long	UBND huyện Tam Nông	2021-2022	1929/QĐ-UBND-HC ngày 29/12/2020 của UBND huyện	6.845	5.000	5.000								5.000	5.000								
2	Trụ sở UBND xã Phú Ninh	UBND huyện Tam Nông	2021-2022	1749/QĐ-UBND-HC ngày 17/12/2020 của UBND huyện	7.760	5.000	5.000								5.000	5.000								
3	Trụ sở UBND xã Phú Hiệp	UBND huyện Tam Nông	2022-2023	2237/QĐ-UBND-HC ngày 25/11/2021 của UBND huyện	2.473	1.800	1.800								1.800	1.800								
4	Trụ sở UBND xã Phú Thành A	UBND huyện Tam Nông	2023-2024	1410/QĐ-UBND-HC ngày 07/12/2023 của UBND huyện	8.125	5.000	5.000								5.000	5.000								
* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Thanh Bình						19.500	19.500	0	0	0	0	0	0	0	19.500	19.500	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Trụ sở UBND xã Bình Tấn	UBND huyện Thanh Bình	2021-2023	373/QĐ-UBND.HC ngày 29/12/2020 của UBND huyện	7.683	5.000	5.000								5.000	5.000								
2	Trụ sở UBND xã Tân Huệ	UBND huyện Thanh Bình	2021-2023	372/QĐ-UBND.HC ngày 29/12/2020 của UBND huyện	8.608	5.000	5.000								5.000	5.000								
3	Trụ sở UBND thị trấn Thanh Bình	UBND huyện Thanh Bình	2021-2023	239/QĐ-UBND.HC ngày 22/6/2021 của UBND huyện	6.939	3.200	3.200								3.200	3.200								
4	Trụ sở UBND xã Tân Mỹ	UBND huyện Thanh Bình	2021-2023	387/QĐ-UBND.HC ngày 31/12/2020 của UBND huyện	6.551	3.100	3.100								3.100	3.100								
5	Trụ sở UBND xã An Phong	UBND huyện Thanh Bình	2021-2023	386/QĐ-UBND.HC ngày 31/12/2020 của UBND huyện	5.832	3.200	3.200								3.200	3.200								
* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Lấp Vò						10.000	10.000	0	0	0	0	0	0	0	10.000	10.000	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Trụ sở UBND Thị trấn Lấp Vò	UBND huyện Lấp Vò	2021-2023	715/QĐ-UBND.HC ngày 23/3/2021 của UBND huyện	8.117	5.000	5.000								5.000	5.000								
2	Trụ sở UBND xã Hội An Đông	UBND huyện Lấp Vò	2021-2022	943/QĐ-UBND.HC ngày 28/6/2021 của UBND huyện	8.628	5.000	5.000								5.000	5.000								
* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Tháp Mười						14.400	14.400	0	0	0	0	0	0	0	14.400	14.400	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở UBND thị trấn Mỹ An	UBND huyện Tháp Mười	2021-2022	6323/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện	4.023	2.200	2.200								2.200	2.200								
2	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở UBND xã Phú Điền	UBND huyện Tháp Mười	2021-2023	6324/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện	3.399	2.200	2.200								2.200	2.200								
3	Trụ sở UBND xã Trường Xuân	UBND huyện Tháp Mười	2024-2024	3302/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của UBND huyện	9.632	5.000	5.000								5.000	5.000								
4	Trụ sở UBND xã Đốc Bình Kiều	UBND huyện Tháp Mười	2024-2024	3698/QĐ-UBND ngày 23/6/2022 của UBND huyện	9.204	5.000	5.000								5.000	5.000								

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)								Ghi chú (Vốn bổ tri lại do dự toán thu chưa đạt)	
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:							Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:								
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024		Vốn ngoài nước (ODA)	Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH		Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024
	* Bổ sung có mục tiêu cho thành phố Sa Đéc				13.400	13.400	0	0	0	0	0	0	13.400	13.400	0	0	0	0	0	0	0		
1	Trụ sở UBND phường 2	UBND thành phố Sa Đéc	2021-2022	119/QĐ-UBND.HC ngày 15/6/2021 của UBND TPSTD	14.772	5.000	5.000						5.000	5.000									
2	Trụ sở UBND phường 3	UBND thành phố Sa Đéc	2021-2022	Số 206/QĐ-UBND-XDCB ngày 03/11/2021 của UBND TPSTD	12.755	5.000	5.000						5.000	5.000									
3	Sửa chữa mở rộng Trụ sở UBND xã Tân Quy Tây	UBND thành phố Sa Đéc	2021-2022	Số 216/QĐ-UBND-XDCB ngày 15/11/2021 của UBND TPSTD	6.117	3.400	3.400						3.400	3.400									
	* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Cao Lãnh					6.300	6.300	0	0	0	0	0	6.300	6.300	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Trụ sở UBND xã Phương Thịnh	UBND huyện Cao Lãnh	2021-2022	944/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 của UBND huyện	1.921	1.700	1.700						1.700	1.700									
2	Trụ sở UBND xã Bình Hàng Trung	UBND huyện Cao Lãnh	2021-2022	942/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 của UBND huyện	2.412	2.300	2.300						2.300	2.300									
3	Trụ sở UBND xã Phương Trà	UBND huyện Cao Lãnh	2024-2024	660/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 của UBND huyện	2.635	2.300	2.300						2.300	2.300									
	* Bổ sung có mục tiêu cho thành phố Hồng Ngự					3.500	3.500	0	0	0	0	0	3.500	3.500	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Trụ sở UBND phường An Lạc	UBND thành phố Hồng Ngự	2021-2022	1085/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 của UBND thành phố	7.904	3.500	3.500						3.500	3.500									
	* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Tân Hồng					13.300	13.300	0	0	0	0	0	13.300	13.300	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Trụ sở UBND xã Tân Thành B	UBND huyện Tân Hồng	2021-2022	213/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 30/10/2020 của UBND huyện	5.303	3.300	3.300						3.300	3.300									
2	Trụ sở UBND xã Thông Bình (hạng mục: nâng cấp, mở rộng)	UBND huyện Tân Hồng	2023-2023	155/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 02/8/2022 của UBND huyện	12.259	5.000	5.000						5.000	5.000									
3	Trụ sở UBND thị trấn Sa Rài	UBND huyện Tân Hồng	2023-2024	156/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 04/8/2022 của UBND huyện	14.250	5.000	5.000						5.000	5.000									
	* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Lai Vung					5.400	5.400	0	0	0	0	0	5.400	5.400	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Trụ sở UBND xã Định Hòa	UBND huyện Lai Vung	2022-2023	Số 366/QĐ-UBND-XDCB ngày 03/11/2021 của UBND huyện	6.502	3.200	3.200						3.200	3.200									
2	Trụ sở UBND xã Vĩnh Thới	UBND huyện Lai Vung	2022-2023	Số 335/QĐ-UBND-XDCB ngày 03/11/2021 của UBND huyện	6.226	2.200	2.200						2.200	2.200									
	* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Châu Thành					10.000	10.000	0	0	0	0	0	10.000	10.000	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Trụ sở UBND xã Tân Nhuận Đông	UBND huyện Châu Thành	2023-2023	568/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND huyện	16.620	5.000	5.000						5.000	5.000									
2	Trụ sở UBND xã An Khánh	UBND huyện Châu Thành	2024-2024	986/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND huyện	21.493	5.000	5.000						5.000	5.000									
12	Xã hội					55.330	8.630	24.443	0	8.000	14.257	0	0	84.330	8.630	53.443	0	8.000	14.257	0	0	0	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)								Ghi chú (Vốn bổ tri lại do dự toán thu chưa đạt)	
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:							Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:								
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XD CB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT- XH	Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024		Vốn ngoài nước (ODA)	Chi XD CB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Ngân sách trung ương vốn trong nước	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển KT- XH		Dự phòng NSTW các năm: 2022, 2023, 2024
*	Khởi công mới trong GD 2021-2025				55.330	8.630	24.443	0	8.000	14.257	0	0	0	84.330	8.630	53.443	0	8.000	14.257	0	0	0	
1	Hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021 – 2025	Sở Nội vụ	2023-2024	1448/QĐ-UBND.HC ngày 30/12/2022 của UBND Tỉnh	16.429	15.700		1.443		14.257				15.700		1.443			14.257				
2	San lấp mặt bằng và xây dựng mới hàng rào Cơ sở điều trị nghiện Tỉnh	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN	2021-2022	1316/QĐ-UBND-HC ngày 06/09/2021 của UBND Tỉnh	9.323	8.630	8.630							8.630	8.630								
3	Nâng cấp, mở rộng Cơ sở điều trị nghiện tỉnh Đồng Tháp	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN	2025-2027	65/NQ-HĐND ngày 28/12/2024 của HĐND Tỉnh	89.972	0								22.000		22.000							
	* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Hồng Ngự				23.000	0	23.000	0	0	0	0	0	0	23.000	0	23.000	0	0	0	0	0	0	0
1	Đền thờ liệt sĩ huyện Hồng Ngự	UBND huyện Hồng Ngự	2021-2023	11868/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của UBND huyện	23.228	23.000		23.000						23.000		23.000							
	* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Lấp Vò				3.000	0	0	0	3.000	0	0	0	0	3.000	0	0	0	3.000	0	0	0	0	0
1	Nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ 02 xã: Long Hưng A, Mỹ An Hưng B	UBND huyện Lấp Vò	2022-2022	178/QĐ-UBND-HC ngày 25/01/2022 của UBND huyện	3.591	3.000			3.000					3.000				3.000					
	* Bổ sung có mục tiêu cho huyện Lai Vung				5.000	0	0	0	5.000	0	0	0	0	12.000	0	7.000	0	5.000	0	0	0	0	0
1	Nghĩa trang liệt sĩ xã Phong Hòa	UBND huyện Lai Vung	2022-2023	328/QĐ-UBND-XDCB ngày 22/9/22 của UBND huyện	6.368	5.000			5.000					5.000				5.000					
2	Nghĩa trang liệt sĩ huyện Lai Vung và Lấp Vò	UBND huyện Lai Vung	2025-2026	242/QĐ-UBND-XDCB ngày 10/10/2024 của UBND Huyện	33.847	0								7.000		7.000							
III	Các nhiệm vụ đầu tư công khác				907.590	110.170	290.628	324.977	134.660	47.155	0	0	0	928.099	110.170	311.137	324.977	134.660	47.155	0	0	0	
a	Thu hồi vốn ứng trước				114.276	67.121	0	0	0	47.155	0	0	0	114.276	67.121	0	0	0	47.155	0	0	0	
b	Trả nợ vay của chính quyền địa phương				66.695		53.677		13.018					66.695		53.677		13.018					
c	Tất toán công trình hoàn thành				192.642	43.049	136.951		12.642					213.151	43.049	157.460		12.642					
d	Ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Tỉnh	NH Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh ĐT			199.000		100.000		99.000					199.000		100.000		99.000					
đ	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ Nông dân Tỉnh				10.000				10.000					10.000				10.000					
e	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất Tỉnh				122.583			122.583						122.583			122.583						
g	Chỉ cho công tác đo đạc lập bản đồ địa chính theo Nghị quyết số 41/2023/NQ-HĐND ngày 18/7/2023 của HĐND Tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường			194.000			194.000						194.000			194.000						
h	Cấp lại Trung tâm Phát triển Quỹ đất				8.394			8.394						8.394			8.394						
IV	Dự phòng chung				571.491	0	22.884	328.607	0	220.000				221.000	0			0	220.000		1.000		

PHỤ LỤC 3
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN NSNN DO TỈNH QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỐ (ĐỢT 13)
(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025					Điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)					Ghi chú
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:				
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Tăng	Giảm		Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ					5.091.006	277.667	3.650.979	436.058	326.302	144.557	-144.557	5.091.006	277.667	3.650.979	248.790	513.570	
A	Cấp Tỉnh quản lý và phân bổ					5.091.006	277.667	3.650.979	436.058	326.302	144.557	-144.557	5.091.006	277.667	3.650.979	248.790	513.570	
A.1	Cấp Tỉnh quản lý					4.326.006	277.667	3.545.729	17.893	84.717	112.557	-144.557	4.294.006	277.667	3.513.729	17.893	84.717	
I	Chuẩn bị đầu tư					135.710	24.911	75.089	0	35.710	37.632		173.342	24.911	112.721	0	35.710	
II	Thực hiện Đầu tư					3.997.654	209.707	3.333.689	17.893	36.365	54.416	-144.557	3.907.513	209.707	3.243.548	17.893	36.365	
1	Quốc phòng					227.600	209.707	0	17.893	0	30.000	-30.000	227.600	209.707	0	17.893	0	
1	Đầu tư xây dựng công trình Khu Kinh tế Quốc phòng Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp/QK9 (giai đoạn 3)	Đoàn KT-QP 959/QK9	2024-2027	6394/QĐ-BQP ngày 06/12/2023 của Bộ Quốc phòng	240.000	50.000	50.000				30.000		80.000	80.000				
2	Xây dựng mới Trung đoàn Bộ binh 320	Bộ chỉ huy Quân sự Tỉnh	2025-2027	756/QĐ-UBND-HC ngày 05/9/2024 của UBND Tỉnh	628.456	177.600	159.707		17.893			-30.000	147.600	129.707		17.893		
2	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					3.235.470	0	3.199.105	0	36.365	0	-6.394	3.229.076	0	3.192.711	0	36.365	
1	Chương trình Đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025	Sở GD&ĐT	2021-2025	52/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 của HĐND Tỉnh	3.779.199	3.235.470		3.199.105		36.365		-6.394	3.229.076		3.192.711		36.365	
3	Văn hóa, thông tin					14.700	0	14.700	0	0	0	-14.310	390	0	390	0	0	
a	Văn hóa					14.700	0	14.700	0	0	0	-14.310	390	0	390	0	0	
1	Phát huy giá trị di tích lịch sử cách mạng	Sở VH TT&DL		1527/QĐ-UBND-HC ngày 07/10/2021 của UBND Tỉnh	14.719	14.700		14.700				-14.310	390		390			
4	Các hoạt động kinh tế					519.884	0	119.884	0	0	2.416	-93.853	428.447	0	28.447	0	0	
a	Giao thông					15.100	0	15.100	0	0	0	-15.100	0	0	0	0	0	
1	Hạ tầng giao thông đường bộ khu vực Nam sông Tiền, tỉnh Đồng Tháp	Sở Giao thông vận tải		46/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của HĐND Tỉnh	2.936.000	15.100	0	15.100				-15.100	0	0				
b	Khu công nghiệp và khu kinh tế					470.000	0	70.000	0	0	0	-70.000	400.000	0	0	0	0	
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng cửa khẩu quốc tế Thường Phước và cửa khẩu Mộc Rá thuộc Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp	Ban QL Khu kinh tế ĐT	2025-2027	1086/QĐ-UBND-HC ngày 20/10/2023 của UBND Tỉnh	778.616	470.000		70.000				-70.000	400.000					
c	Công nghệ thông tin					34.784	0	34.784	0	0	2.416	-8.753	28.447	0	28.447	0	0	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025					Điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (điều chỉnh)					Ghi chú
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:						Tăng	Giảm	Tổng số (vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)	Trong đó:		
				Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư		Chi XDCCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	Chi XDCCB vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết				Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi, cổ phần hóa, thoái vốn DNDP	
1	Hệ thống thông tin ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở VH,TT&DL	2025-2025	738/QĐ-UBND.HC ngày 30/8/2024 của UBND Tỉnh	4.000	4.000		4.000				-853	3.147		3.147			
2	Thiết bị phòng chức năng phục vụ dạy học STEM/STEAM	Sở Giáo dục và Đào tạo	2025-2025	1315/QĐ-UBND-HC ngày 31/12/2024 của UBND Tỉnh	28.112	22.884		22.884		2.416			25.300		25.300			
3	Triển khai bệnh án điện tử cho các Bệnh viện Đa khoa khu vực	Sở Y tế	2025-2025	1135/QĐ-UBND-HC ngày 27/11/2024 của UBND Tỉnh	9.500	7.900		7.900			-7.900	0						
5	Xã hội					0	0	0	0	0	22.000	0	22.000	0	22.000	0	0	
1	Nâng cấp, mở rộng Cơ sở điều trị nghiện tỉnh Đồng Tháp	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN	2025-2026	65/NQ-HĐND ngày 28/12/2024 của HĐND Tỉnh	89.972					22.000		22.000		22.000				
III	Các nhiệm vụ đầu tư công khác					192.642	43.049	136.951	0	12.642	20.509	0	213.151	43.049	157.460	0	12.642	
1	Tất toán công trình hoàn thành	Sở Tài chính				192.642	43.049	136.951		12.642	20.509		213.151	43.049	157.460		12.642	
A.2	Ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách cấp Huyện					765.000	0	105.250	418.165	241.585	32.000	0	797.000	0	137.250	230.897	428.853	
1	Các hoạt động kinh tế					765.000	0	105.250	418.165	241.585	25.000	0	790.000	0	130.250	230.897	428.853	
a	Khu công nghiệp và khu kinh tế					0	0	0	0	0	25.000	0	25.000	0	25.000	0	0	
1	Hạ tầng Cụm công nghiệp - dịch vụ Thương mại Trường Xuân	UBND huyện Tháp Mười	2025-2026	4566/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND Huyện	57.062					25.000		25.000		25.000				
b	Công trình công cộng tại các đô thị					765.000	0	105.250	418.165	241.585	0	0	765.000	0	105.250	230.897	428.853	
1	Đường ĐT 846 nối dài (đoạn từ cầu Ông Thọ-đường Trần Bá Lê) và cầu Ông Thọ (xã Mỹ Tân – xã Hòa An), xã Hòa An- Mỹ Tân, TPCL	UBND thành phố Cao Lãnh	2024-2025	162/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND TPCL	217.508	185.000			154.276	30.724	0	0	185.000			88.276	96.724	
2	Đường song song đường hoa Sa Đéc (Sa Nhiên – Cai Dao)	UBND thành phố Sa Đéc	2024-2025	288/QĐ-UBND-XDCB ngày 22/12/2023 của UBND TPSPĐ	225.670	150.000		80.833	67.889	1.278	0	0	150.000		80.833	40.521	28.646	
3	Chỉnh trang đô thị và cải thiện môi trường Tuyến dân cư Mương Nhà Máy	UBND thành phố Hồng Ngự	2024-2026	2831/QĐ-UBND ngày 28/11/2023 của UBND TPHN	846.371	380.000		24.417	146.000	209.583	0	0	380.000		24.417	92.100	263.483	
4	Đường ra biên giới, xã Tân Hội	UBND thành phố Hồng Ngự	2024-2025	2904/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND TPHN	221.168	50.000			50.000		0	0	50.000			10.000	40.000	
2	Xã hội					0	0	0	0	0	7.000	0	7.000	0	7.000	0	0	
1	Nghĩa trang liệt sĩ huyện Lai Vung và Lấp Vò	UBND huyện Lai Vung	2025-2026	242/QĐ-UBND-XDCB ngày 10/10/2024 của UBND Huyện	33.847						7.000		7.000		7.000			